

CHỦ ĐỀ 3: BẢO HIỂM VÀ AN SINH XÃ HỘI

Tiết 11,12,13

Ngày soạn: 1/10/2026

BÀI 3. BẢO HIỂM

Thời lượng: 03 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm và vai trò của bảo hiểm.
- Giải thích được sự cần thiết của bảo hiểm bằng quan hệ giữa rủi ro, hậu quả tài chính, giới hạn tự khắc phục và cơ chế chia sẻ/chuyển giao rủi ro.
- Liệt kê được một số loại hình bảo hiểm
- Thực hiện được trách nhiệm công dân về bảo hiểm bằng những việc làm cụ thể, phù hợp.

2. Về năng lực

- Năng lực điều chỉnh hành vi: phân tích, đánh giá hành vi của bản thân và người khác trong tham gia, thực hiện bảo hiểm; lựa chọn cách ứng xử có căn cứ, hợp pháp và có trách nhiệm.
- Năng lực phát triển bản thân: nhận diện rủi ro của cá nhân, gia đình và hoạt động sản xuất, kinh doanh; bước đầu xây dựng phương án dự phòng phối hợp giữa phòng ngừa, tiết kiệm và bảo hiểm.
- Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế – xã hội: khai thác SGK và nguồn chính thống; đọc, so sánh thông tin; phân tích tình huống; giải thích tác động của bảo hiểm đối với cá nhân, doanh nghiệp và xã hội; truyền thông đúng về quyền lợi và trách nhiệm.
- Năng lực chung: tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua đọc dữ liệu, nghiên cứu trường hợp, lập luận CER, phản biện và thiết kế sản phẩm vận dụng.

3. Về phẩm chất

- Trách nhiệm: chủ động tìm hiểu, thực hiện nghĩa vụ, bảo vệ quyền lợi bảo hiểm hợp pháp; không thờ ơ trước hành vi trốn đóng, chậm đóng hoặc xâm phạm quyền lợi người tham gia.
- Trung thực: cung cấp thông tin chính xác; không làm giả hồ sơ, gian lận hoặc trục lợi bảo hiểm; sử dụng dữ liệu và dẫn nguồn đúng.
- Nhân ái: hiểu ý nghĩa chia sẻ rủi ro, bảo vệ người lao động, người bệnh và các nhóm dễ bị tổn thương; biết tuyên truyền, nhắc nhở người thân bằng thái độ tôn trọng.
- Chăm chỉ: tích cực đọc, kiểm chứng thông tin, hoàn thành sản phẩm và tự điều chỉnh nhận thức khi phát hiện nhầm lẫn.

4. Nội dung tích hợp

- Quyền con người: quyền được bảo đảm an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động và người tham gia bảo hiểm.
- Giáo dục liêm chính, phòng chống tham nhũng, tiêu cực: phê phán trốn đóng, chậm đóng, làm giả hồ sơ, gian lận và trục lợi; không gắn nhãn “tham nhũng” cho mọi hành vi vi phạm khi chưa đủ căn cứ pháp luật.
- Năng lực số: tìm kiếm nguồn chính thống; nhận diện quảng cáo tuyệt đối hóa; bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin sức khỏe, số định danh, số hợp đồng.
- Năng lực AI: sử dụng AI để gợi ý từ khóa hoặc kiểm tra cấu trúc lập luận; học sinh phải đối chiếu với SGK và nguồn chính thức, chỉ sử dụng kết quả sau khi tự phân tích và xác nhận.

– Đạo đức, lối sống: dự phòng có trách nhiệm, không chạy theo quảng cáo, không né tránh nghĩa vụ, biết chia sẻ và hỗ trợ cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính, máy chiếu/ti vi, loa; bảng phụ; giấy A4/A3; bút dạ; thẻ tình huống; thẻ Đúng/Sai hoặc bảng con; đồng hồ đếm ngược.

2. Học liệu: SGK Giáo dục kinh tế và pháp luật 12 – Bài 3; video ngắn từ cơ quan bảo hiểm xã hội; phiếu học tập, hồ sơ tình huống, bảng kiểm và rubric trong phụ lục.

3. Nguồn cập nhật: Các văn bản pháp luật hiện hành về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, việc làm và kinh doanh bảo hiểm; cổng thông tin của cơ quan nhà nước và cơ quan bảo hiểm xã hội. Không đưa mức đóng, mức hưởng hoặc thủ tục chi tiết nếu không phục vụ trực tiếp yêu cầu cần đạt.

4. Phương án thiết bị: Có thiết bị: học sinh khai thác nguồn số chính thống, quét mã QR hoặc đọc dữ liệu trên màn hình. Không có thiết bị: giáo viên sử dụng bản in/screenshot đã kiểm chứng; yêu cầu sản phẩm và tiêu chí đánh giá không thay đổi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1. KHÁI NIỆM VÀ MỘT SỐ LOẠI HÌNH BẢO HIỂM

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU/ KHỞI ĐỘNG (5 PHÚT)

a) Mục tiêu: Kích hoạt trải nghiệm gần gũi về bệnh tật, chi phí và cơ chế chia sẻ; hình thành câu hỏi học tập về bản chất và các loại hình bảo hiểm.

b) Nội dung: Học sinh xem video/tình huống “Bảo hiểm y tế – lá chắn cho sức khỏe mỗi gia đình”
Nguồn: Cổng thông tin điện tử Bảo hiểm xã hội Việt Nam. và hoàn thành kỹ thuật 3–2–1: 3 chi tiết quan sát được; 2 khó khăn tài chính nếu không có hỗ trợ; 1 câu hỏi cần giải quyết.

c) Sản phẩm học tập: Phiếu 3–2–1 có các từ khóa rủi ro – chi phí – chia sẻ và một câu hỏi trung tâm.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Nêu trước nhiệm vụ, giới hạn thời gian; yêu cầu học sinh quan sát có mục đích, không chép lời video. HS: Tiếp nhận phiếu và xác định ba cột cần ghi.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: GV: Chiếu video hoặc đọc tình huống; hỗ trợ bằng các từ khóa “rủi ro – hậu quả – nguồn hỗ trợ”. HS: Quan sát, ghi độc lập; lựa chọn chi tiết có ý nghĩa thay vì ghi toàn bộ thông tin.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV: Mời học sinh trình bày theo nguyên tắc không lặp ý; ghi bảng các từ khóa. HS: Nêu chi tiết, khó khăn và câu hỏi; bổ sung hoặc đặt câu hỏi cho bạn.

Câu hỏi: BHYT có làm bệnh tật không xảy ra không? Nếu không, giá trị của BHYT nằm ở đâu?

Gợi ý/đáp án: BHYT không loại bỏ rủi ro bệnh tật; giá trị cốt lõi là chia sẻ chi phí khám, chữa bệnh trong phạm vi và mức hưởng theo quy định.

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV: Kết nối các từ khóa và nêu vấn đề học tập: cơ chế bảo hiểm được hình thành ra sao, vì sao người không gặp rủi ro vẫn có lợi ích và các loại bảo hiểm khác nhau ở điểm nào? HS: Ghi câu hỏi trung tâm và chuẩn bị khai thác SGK.

Đánh giá thường xuyên: Quan sát sự tập trung và phiếu 3–2–1. Sản phẩm đạt khi nêu đúng rủi ro, hậu quả tài chính và cơ chế hỗ trợ; câu hỏi có liên quan trực tiếp đến bài học.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (27 PHÚT)

NHIỆM VỤ 1. TÌM HIỂU KHÁI NIỆM BẢO HIỂM (10 PHÚT)

a) Mục tiêu: Nêu được khái niệm bảo hiểm; xác định được các thành tố cấu thành; giải thích được bản chất chia sẻ hoặc chuyển giao hậu quả tài chính của rủi ro.

b) Nội dung: Nhóm 4 học sinh phân tích tình huống nhiều người cùng tham gia, thực hiện nghĩa vụ đóng góp và chỉ một số người gặp sự kiện thuộc phạm vi bảo hiểm được trợ cấp, bồi thường hoặc chi trả.

c) Sản phẩm học tập: Phiếu học tập số 1; sơ đồ 5 thành tố và câu kết luận về khái niệm, bản chất, giới hạn quyền lợi.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chia nhóm 4 học sinh (hoạt động nhóm duy nhất của tiết), giao phiếu học tập số 1; yêu cầu xác định: người tham gia, nghĩa vụ đóng, nguồn tài chính, sự kiện làm phát sinh quyền lợi và hình thức hỗ trợ. Câu hỏi: Chuỗi thành tố nào thể hiện đúng cơ chế bảo hiểm? Gợi ý/đáp án: Người tham gia → đóng phí/đóng góp → hình thành quỹ hoặc nguồn tài chính → xảy ra rủi ro/sự kiện thuộc phạm vi bảo hiểm → trợ cấp, bồi thường hoặc chi trả. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS phân công người đọc, thư kí, người sắp xếp sơ đồ, người kiểm tra khái niệm; hoàn thành trong 5 phút. GV quan sát, chỉ gợi mở, không làm thay. Câu hỏi: Nếu 100 người cùng đóng nhưng chỉ 5 người được chi trả, 95 người còn lại có “mất tiền vô ích” không? Gợi ý/đáp án: Không. Họ nhận được trạng thái dự phòng, quyền được bảo vệ khi đủ điều kiện và cùng tham gia cơ chế chia sẻ rủi ro; lợi ích không chỉ được đo bằng khoản tiền đã nhận. Câu hỏi: Bảo hiểm có làm giảm xác suất rủi ro xảy ra không? Gợi ý/đáp án: Không phải chức năng cốt lõi. Bảo hiểm chủ yếu giúp chia sẻ/chuyển giao hậu quả tài chính; phòng ngừa an toàn mới trực tiếp góp phần giảm xác suất hoặc mức độ tổn thất. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Một nhóm trình bày sơ đồ; nhóm khác phản hồi theo hai tiêu chí đủ thành tố – đúng quan hệ. GV chọn sản phẩm có điểm chưa hoàn chỉnh để tổ chức sửa. Câu hỏi: Có bảo hiểm thì mọi tổn thất có luôn được thanh toán toàn bộ không? Gợi ý/đáp án: Không. Quyền lợi phụ thuộc phạm vi bảo vệ, điều kiện, mức hưởng hoặc hợp đồng; sự kiện ngoài phạm vi hoặc thuộc điều khoản loại trừ có thể	1. Bảo hiểm và một số loại hình bảo hiểm a. Khái niệm Bảo hiểm là một dịch vụ tài chính, thông qua đó người tham gia đóng phí/đóng góp cho bên cung cấp hoặc tổ chức bảo hiểm để được trợ cấp, bồi thường hoặc chi trả khi rủi ro hay sự kiện bảo hiểm thuộc phạm vi bảo vệ xảy ra. Bản chất - Bảo hiểm không làm rủi ro biến mất; bảo hiểm giúp chia sẻ hoặc chuyển giao hậu quả tài chính của rủi ro. - Người không gặp rủi ro vẫn nhận được giá trị dự phòng và cùng tham gia cơ chế chia sẻ. Giới hạn quyền lợi - Không phải mọi tổn thất đều được thanh toán toàn bộ. - Quyền lợi phụ thuộc phạm vi bảo vệ, mức hưởng và điều kiện do pháp luật hoặc hợp đồng quy định. Dấu hiệu nhận diện - Có chủ thể tham gia; có nghĩa vụ đóng; có nguồn tài chính; có sự kiện làm phát sinh quyền lợi; có hình thức trợ cấp/bồi thường/chi trả.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
không được chi trả. Bước 4. Kết luận, nhận định GV chuẩn hóa khái niệm, nhấn mạnh ba ý: tham gia trước rủi ro; đóng phí/dóng góp để hình thành nguồn tài chính; quyền lợi chỉ phát sinh khi sự kiện thuộc phạm vi bảo vệ và đáp ứng điều kiện.	

NHIỆM VỤ 2. TÌM HIỂU MỘT SỐ LOẠI HÌNH BẢO HIỂM (17 PHÚT)

a) Mục tiêu: Liệt kê và phân biệt được BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện, BHYT; bước đầu phân biệt BHYT với bảo hiểm sức khỏe thương mại.

b) Nội dung: Học sinh phân tích các trường hợp tham gia BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện, BHYT bắt buộc và BHYT tự nguyện (hộ gia đình/tự đóng theo quy định); xác định chủ thể tổ chức, đối tượng tham gia, quyền lợi và điều kiện hưởng. Quyền lợi khi tham gia bảo hiểm: BHXH bắt buộc có các chế độ ốm đau, thai sản, hưu trí, tử tuất, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; BHXH tự nguyện có trợ cấp thai sản, hưu trí, tử tuất và bảo hiểm tai nạn lao động theo quy định của pháp luật; người tham gia BHYT được quỹ BHYT thanh toán, chia sẻ chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi và theo mức hưởng luật định khi thẻ còn giá trị sử dụng và đáp ứng điều kiện, thủ tục theo quy định. Học sinh hoàn thành bảng theo các tiêu chí: chủ thể tổ chức/cung cấp – đối tượng/tính chất tham gia – quyền lợi chủ yếu – điều kiện/giới hạn hưởng – căn cứ hưởng; đồng thời phân biệt BHYT với bảo hiểm sức khỏe thương mại.

c) Sản phẩm học tập: Phiếu học tập số 2; bảng so sánh và lời giải thích cho hai trường hợp dễ nhầm.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV phát bốn thẻ: người lao động thuộc diện BHXH bắt buộc; người kinh doanh tự do tham gia BHXH tự nguyện; học sinh dùng thẻ BHYT; gia đình mua gói bệnh hiểm nghèo của doanh nghiệp bảo hiểm. HS làm cá nhân 3 phút, sau đó trao đổi cặp đôi. Mỗi cặp phải nêu căn cứ nhận diện, không chỉ gọi tên. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Câu hỏi: BHXH chủ yếu bù đắp thu nhập hay thanh toán chi phí khám, chữa bệnh? Gợi ý/đáp án: BHXH chủ yếu thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người tham gia BHXH khi giảm hoặc mất thu nhập theo sự kiện luật định; BHYT chủ yếu chia sẻ chi phí khám, chữa bệnh.	b. Một số loại hình bảo hiểm Bảo hiểm xã hội – Khái niệm: Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người tham gia bảo hiểm xã hội khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, khi nghỉ hưu hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội hoặc do ngân sách nhà nước bảo đảm. – BHXH bắt buộc: là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người lao động, người sử dụng lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc phải tham gia. Quyền lợi gồm: ốm đau; thai sản; hưu trí; tử tuất; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật. – BHXH tự nguyện: là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà công dân Việt Nam tự nguyện tham gia và được lựa chọn

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Câu hỏi: BHXH tự nguyện do Nhà nước hay doanh nghiệp tổ chức? Gợi ý/đáp án: Do Nhà nước tổ chức; công dân Việt Nam tự nguyện tham gia và được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình. Câu hỏi: Gói bệnh hiểm nghèo của doanh nghiệp có phải BHYT không? Gợi ý/đáp án: Không. Đây là bảo hiểm sức khỏe thương mại thực hiện theo hợp đồng với doanh nghiệp bảo hiểm. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Hai cặp trình bày; lớp dùng thẻ Đúng/Chưa đủ. GV khai thác nhầm lẫn giữa BHXH tự nguyện với bảo hiểm thương mại và giữa BHYT với bảo hiểm sức khỏe thương mại. Câu hỏi: Hai loại cùng hỗ trợ khi con người gặp vấn đề sức khỏe thì vì sao vẫn không thể đồng nhất? Gợi ý/đáp án: Vì khác chủ thể tổ chức/cung cấp, căn cứ pháp luật hoặc hợp đồng, phạm vi và cơ chế quyền lợi. Bước 4. Kết luận, nhận định GV chuẩn hóa bằng ba dấu hiệu: ai tổ chức/cung cấp; bảo vệ nhu cầu nào; quyền lợi dựa trên pháp luật hay hợp đồng. Tích hợp năng lực số và AI Có thiết bị: HS tra một thông tin trên cổng cơ quan bảo hiểm xã hội và đối chiếu câu trả lời AI. Không có thiết bị: GV phát “thẻ câu trả lời AI” và “thẻ nguồn chính thống”; HS gạch chân điểm đúng, điểm thiếu căn cứ. Kết luận cuối cùng do HS tự xác lập.	mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình. Quyền lợi gồm: trợ cấp thai sản; hưu trí; tử tuất; bảo hiểm tai nạn lao động theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động. Bảo hiểm y tế – Do Nhà nước tổ chức, không vì mục đích lợi nhuận. BHYT bắt buộc áp dụng với các đối tượng theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế; BHYT tự nguyện do Nhà nước cung cấp, áp dụng đối với người không thuộc đối tượng tham gia BHYT bắt buộc; trong thực tế có thể tham gia theo hộ gia đình/tự đóng theo quy định. – Quyền lợi: được quỹ BHYT thanh toán, chia sẻ chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi và theo mức hưởng luật định khi thẻ còn giá trị sử dụng, đáp ứng điều kiện và thủ tục theo quy định. – BHYT không thay thế hoặc bù đắp thu nhập. BHYT tự nguyện tuy thường tham gia theo hộ gia đình/tự đóng, nhưng không phải bảo hiểm sức khỏe thương mại. Không đồng nhất – Bảo hiểm sức khỏe thương mại do doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp theo hợp đồng; quyền lợi phụ thuộc phạm vi bảo hiểm, điều kiện, thời hạn và điều khoản loại trừ. Điểm phân biệt – BHXH chủ yếu bảo đảm, thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập; BHYT chủ yếu chia sẻ chi phí khám bệnh, chữa bệnh; bảo hiểm sức khỏe thương mại thực hiện quyền lợi theo hợp đồng.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (9 PHÚT)

a) Mục tiêu: củng cố khả năng nhận diện loại hình bằng dấu hiệu bản chất, không suy đoán từ tên gọi.

b) Nội dung: Học sinh xử lý 5 thẻ: thai sản của người lao động thuộc diện bắt buộc; lương hưu; BHYT thanh toán chi phí điều trị; người kinh doanh tự do đóng để hướng tới lương hưu; gia đình mua gói bệnh hiểm nghèo của doanh nghiệp.

c) Sản phẩm học tập: Bảng: loại hình – dấu hiệu nhận biết – điều kiện/giới hạn cần lưu ý.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Phát thẻ và yêu cầu trả lời theo cấu trúc “Đây là... vì...; quyền lợi không tự động phát sinh vì...”. HS: Nhận nhiệm vụ, xác định từ khóa về chủ thể và nhu cầu được bảo vệ.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: GV: Theo dõi, không công bố đáp án; hỗ trợ học sinh đọc chậm bằng cách khoanh chủ thể tổ chức và căn cứ hưởng. HS: Làm cá nhân 3 phút, đổi bài theo cặp để kiểm tra.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV: Gọi ngẫu nhiên học sinh giải thích; ưu tiên sản phẩm có cách lí giải khác nhau. HS: Trình bày và phản hồi bằng thẻ Đúng/Chưa đủ.

Câu hỏi: Đóng đủ một khoảng thời gian có đồng nghĩa được nhận lương hưu ngay không?

Gợi ý/đáp án: Không. Còn phải đáp ứng điều kiện về tuổi và các điều kiện khác theo pháp luật hiện hành.

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV: Chốt đáp án và nhấn mạnh cách nhận diện: chủ thể tổ chức – nhu cầu bảo vệ – căn cứ hưởng – giới hạn. HS: Sửa đáp án và ghi lại dấu hiệu dễ nhầm.

Đánh giá thường xuyên: Đáp án trọng tâm: BHXH bắt buộc; BHXH; BHYT; BHXH tự nguyện; bảo hiểm sức khỏe thương mại. Chấm trọng tâm ở phần lí giải, không chỉ ở tên gọi.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG (4 PHÚT)

a) Mục tiêu: Liên hệ với thực tế gia đình; hình thành thói quen tìm hiểu bảo hiểm an toàn và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

b) Nội dung: Mỗi học sinh chọn một loại bảo hiểm gia đình đang tham gia hoặc cần tìm hiểu; viết 3 câu: bảo vệ trước rủi ro/nhu cầu nào; chủ thể tổ chức/cung cấp; một điều cần kiểm tra để bảo vệ quyền lợi.

c) Sản phẩm học tập: Phiếu ra về 3 câu; không ghi số hợp đồng, số định danh hoặc thông tin sức khỏe riêng tư.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Nêu mẫu câu, nhắc nguyên tắc tối thiểu hóa dữ liệu. HS: Chọn loại hình phù hợp và xác định thông tin an toàn có thể chia sẻ.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: GV: Quan sát và hỗ trợ bằng từ khóa. HS: Viết cá nhân trong 2 phút.

Bước 3. Báo cáo, chia sẻ: GV: Mời một học sinh tự nguyện đọc; thu phiếu còn lại. HS: Chia sẻ hoặc nộp sản phẩm.

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV: Dùng phiếu để xác định nhầm lẫn cần xử lí ở tiết 2. HS: Tự đánh dấu mức M1/M2/M3.

TIẾT 2. BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM THƯƠNG MẠI VÀ SỰ CẦN THIẾT CỦA BẢO HIỂM

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU/ KHỞI ĐỘNG (5 PHÚT)

a) Mục tiêu: Tạo nhu cầu phân biệt rủi ro về thu nhập, tài sản, con người và trách nhiệm bồi thường.

b) Nội dung: Quan sát ba tình huống: người lao động mất việc; kho hàng bị cháy; chủ xe gây thiệt hại cho người thứ ba. Xác định chủ thể chịu thiệt hại, đối tượng bị tác động và câu hỏi còn băn khoăn.

c) Sản phẩm học tập: Bảng 3 dòng: chủ thể – đối tượng thiệt hại – loại rủi ro – cơ chế hỗ trợ dự đoán.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Chiếu/đưa ba ảnh và yêu cầu gior thẻ Thu nhập/Tài sản/Con người/Trách nhiệm. HS: Quan sát, lựa chọn và ghi một lí do.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: GV: Theo dõi lựa chọn; ghi nhanh tỉ lệ chọn khác nhau. HS: Suy nghĩ cá nhân 60 giây.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV: Mời học sinh có lựa chọn khác số đông giải thích trước. HS: Nêu căn cứ và phản hồi.

Câu hỏi: BHXH và BHYT có giải quyết đầy đủ cả ba trường hợp không? Vì sao?

Gợi ý/đáp án: Không. Mỗi cơ chế bảo hiểm có đối tượng bảo vệ, phạm vi, căn cứ và hình thức hỗ trợ khác nhau.

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV: Chốt: gọi đúng rủi ro và đối tượng bảo vệ là bước đầu lựa chọn đúng loại hình và xác định đúng quyền lợi, trách nhiệm. HS: Ghi nhiệm vụ trọng tâm của tiết học.

Đánh giá thường xuyên: Đánh giá khả năng phân loại đối tượng thiệt hại; chưa yêu cầu học sinh gọi đầy đủ tên loại bảo hiểm.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (24 PHÚT)

a) Mục tiêu: Phân biệt được BHTN, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm con người/sức khỏe thương mại và bảo hiểm trách nhiệm dân sự; hiểu căn cứ và giới hạn quyền lợi.

b) Nội dung: Bốn nhóm xử lí bốn hồ sơ rủi ro theo mẫu: rủi ro → đối tượng cần bảo vệ → loại bảo hiểm → chủ thể tổ chức/cung cấp → hình thức hỗ trợ → điều kiện/giới hạn.

c) Sản phẩm học tập: Bảng phân tích hồ sơ; câu hỏi phản biện cho nhóm khác; kết luận về tiêu chí lựa chọn loại hình.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 4 nhóm (hoạt động nhóm duy nhất của tiết). Hồ sơ 1: mất việc do doanh nghiệp thu hẹp sản xuất. Hồ sơ 2: cháy kho hàng. Hồ sơ 3: tai nạn cá nhân ngoài quan hệ lao động. Hồ sơ 4: gây thiệt hại cho người thứ ba. Quy định: sử dụng SGK và thẻ dữ kiện; không tự đặt mức đóng, mức hưởng hoặc phạm vi chi trả. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS phân công: đọc hồ sơ, xác định đối tượng, kiểm tra loại hình, chuẩn bị báo cáo. GV hỗ trợ bằng hai câu hỏi “Ai tổ chức/cung cấp?” và “Quyền lợi dựa trên luật hay hợp đồng?”. Câu hỏi: BHTN chỉ là khoản tiền trợ cấp có đúng không? Gợi ý/đáp án: Chưa đầy đủ. BHTN còn có tư vấn, giới thiệu việc làm, hỗ trợ đào tạo/nâng cao kĩ năng và các biện pháp hỗ trợ duy trì việc làm theo pháp luật. Câu hỏi: Thiệt hại tài sản của mình và nghĩa vụ bồi thường cho người thứ ba khác nhau ở điểm nào? Gợi ý/đáp án: Bảo hiểm tài sản bảo vệ giá trị tài sản của người được bảo hiểm; bảo hiểm trách nhiệm dân sự hỗ trợ thực hiện nghĩa vụ bồi thường đối với người thứ ba trong phạm vi hợp đồng/pháp luật.	b. Một số loại hình bảo hiểm Bảo hiểm thất nghiệp - Do Nhà nước tổ chức; áp dụng bắt buộc đối với nhóm đối tượng luật định. - Góp phần bù đắp một phần thu nhập khi đủ điều kiện; tư vấn, giới thiệu việc làm; hỗ trợ đào tạo, nâng cao kĩ năng và các biện pháp hỗ trợ người lao động trở lại thị trường lao động. Bảo hiểm thương mại - Do doanh nghiệp bảo hiểm cung cấp trên cơ sở hợp đồng; bên mua đóng phí, doanh nghiệp bồi thường hoặc trả tiền khi xảy ra sự kiện thuộc phạm vi bảo hiểm. - Quyền lợi phụ thuộc phạm vi, số tiền bảo hiểm, điều kiện, thời hạn và điều khoản loại trừ. Phân loại theo đối tượng được bảo vệ - Bảo hiểm tài sản: bảo vệ nhà, máy móc, hàng hóa, phương tiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 3. Báo cáo, thảo luận Mỗi nhóm báo cáo tối đa 90 giây theo đúng chuỗi. Nhóm khác đặt một câu hỏi về căn cứ hoặc giới hạn quyền lợi. Câu hỏi: Có hợp đồng bảo hiểm thương mại thì doanh nghiệp phải chi trả mọi trường hợp không? Gợi ý/đáp án: Không. Cần xem sự kiện, phạm vi, số tiền bảo hiểm, điều kiện, thời hạn và điều khoản loại trừ. Câu hỏi: “Mọi bảo hiểm thương mại đều tự nguyện” có chính xác không? Gợi ý/đáp án: Không hoàn toàn. Pháp luật có quy định một số bảo hiểm bắt buộc; không nên dùng mệnh đề tuyệt đối. Bước 4. Kết luận, nhận định GV chuẩn hóa bốn loại hình và giải thích hai cách phân loại bảo hiểm thương mại: theo đối tượng bảo vệ và theo loại hình kinh doanh. Hai cách dùng tiêu chí khác nhau, không phủ định nhau. Tích hợp năng lực số/AI HS kiểm tra một mẫu quảng cáo có các từ “chi trả mọi trường hợp”, “không cần đọc hợp đồng”. Có thiết bị: tra nguồn chính thức và phân tích. Không có thiết bị: dùng thẻ quảng cáo in. AI chỉ được dùng để gợi ý câu hỏi kiểm tra; kết luận phải do HS viết và có căn cứ.	và tài sản khác. - Bảo hiểm con người/sức khỏe: bảo vệ sức khỏe, thân thể, tính mạng. - Bảo hiểm trách nhiệm dân sự: hỗ trợ thực hiện nghĩa vụ bồi thường của người được bảo hiểm đối với người thứ ba. Lưu ý - Pháp luật kinh doanh bảo hiểm còn phân loại theo loại hình kinh doanh: bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm phi nhân thọ. - Hai cách phân loại dùng tiêu chí khác nhau; không yêu cầu đồng nhất hoặc đối chiếu một-một.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (10 PHÚT)

a) Mục tiêu: Giải thích được sự cần thiết của bảo hiểm; xây dựng lập luận phản biện dựa trên quan hệ nguyên nhân – hậu quả.

b) Nội dung: Theo cặp, học sinh chọn một ý kiến: “Gia đình khỏe mạnh nên đóng bảo hiểm là lãng phí”; “Xưởng cháy rồi mới mua bảo hiểm”; “Có tiền tiết kiệm thì không cần bảo hiểm”.

c) Sản phẩm học tập: Đoạn CER: Kết luận – Dẫn chứng/kiến thức – Giải thích – Khuyến nghị.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Giới thiệu cấu trúc CER và tiêu chí: không chỉ nêu lợi ích, phải giải thích đặc điểm rủi ro và giới hạn tự khắc phục. HS: Chọn ý kiến và xác định luận điểm.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: GV: Gợi ý bằng câu hỏi; không đưa sẵn kết luận. HS: Làm cá nhân 2 phút, trao đổi theo cặp 3 phút.

Câu hỏi: Rủi ro có báo trước không?

Gợi ý/đáp án: Rủi ro thường không chắc chắn về thời điểm và mức độ.

Câu hỏi: Tổn thất có thể vượt tiền tiết kiệm không?

Gợi ý/đáp án: Có thể; một tổn thất lớn vượt quá khả năng tài chính hiện có.

Câu hỏi: Có thể mua bảo hiểm sau khi sự kiện đã xảy ra để yêu cầu chi trả không?

Gợi ý/đáp án: Không; bảo hiểm phải có hiệu lực trước sự kiện thuộc phạm vi bảo hiểm.

Câu hỏi: Phòng ngừa, tiết kiệm và bảo hiểm quan hệ với nhau thế nào?

Gợi ý/đáp án: Ba công cụ bổ sung cho nhau: phòng ngừa giảm khả năng/mức độ tổn thất; tiết kiệm tạo nguồn tự chủ; bảo hiểm chia sẻ/chuyển giao hậu quả tài chính.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV: Mời ba cặp đại diện; lớp nêu một điểm thuyết phục và một điểm cần bổ sung. HS: Trình bày tối đa 45 giây, phản hồi bằng căn cứ.

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV: Chốt sự cần thiết: rủi ro bất ngờ, tổn thất có thể lớn, khả năng tự khắc phục hữu hạn, bảo hiểm tạo cơ chế dự phòng và ổn định; một số loại là nghĩa vụ pháp lí. HS: Hoàn thiện đoạn lập luận.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG (6 PHÚT)

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức để xây dựng bản đồ bảo vệ trước nhiều rủi ro; không tuyệt đối hóa vai trò của bảo hiểm.

b) Nội dung: Chọn một gia đình có người lao động và học sinh hoặc một doanh nghiệp sản xuất nhỏ; lập bản đồ ít nhất 4 rủi ro và giải pháp bảo vệ tương ứng.

c) Sản phẩm học tập: Bảng 5 cột: rủi ro – đối tượng – biện pháp phòng ngừa/tiết kiệm – loại bảo hiểm – điều cần kiểm tra.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Cung cấp mẫu một dòng; nhắc không dùng dữ liệu thật và phải phối hợp nhiều giải pháp. HS: Chọn đối tượng giả định.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: GV: Hỗ trợ học sinh bằng danh mục rủi ro, không gợi sẵn loại bảo hiểm. HS: Phác thảo cá nhân 3 phút; hoàn thiện ở nhà nếu cần.

Bước 3. Báo cáo, chia sẻ: GV: Tổ chức kiểm tra chéo theo tiêu chí đúng loại – có giới hạn – có biện pháp khác bảo hiểm. HS: Đổi sản phẩm, khoanh một lựa chọn chưa hợp lí và viết một góp ý.

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV: Nhấn mạnh một chủ thể có thể cần nhiều lớp bảo vệ; bảo hiểm không thay thế phòng ngừa, tiết kiệm và tuân thủ an toàn. HS: Điều chỉnh bản đồ.

TIẾT 3. VAI TRÒ CỦA BẢO HIỂM VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG DÂN

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU/ KHỞI ĐỘNG (5 PHÚT)

a) Mục tiêu: Nhận ra vai trò kinh tế và xã hội của bảo hiểm có quan hệ chặt chẽ; hình thành tư duy chuỗi tác động.

b) Nội dung: Sắp xếp chuỗi xương chấy → được bồi thường → sửa máy móc → tiếp tục sản xuất → người lao động có việc → hàng hóa được cung cấp → doanh nghiệp tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tài chính.

c) Sản phẩm học tập: Chuỗi đúng; xác định người hưởng lợi trực tiếp, gián tiếp và tác động kinh tế/xã hội.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Chiếu các mắt xích bị xáo trộn, yêu cầu sắp xếp trong 60 giây. HS: Làm cá nhân, ghi ít nhất ba chủ thể hưởng lợi.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: GV: Quan sát thứ tự và lí do học sinh lựa chọn. HS: Sắp xếp, dùng mũi tên có động từ.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV: Mời một học sinh trình bày; lớp trả lời câu hỏi mở. HS: Giải thích quan hệ nhân – quả.

Câu hỏi: Khoản bồi thường chỉ có lợi cho chủ doanh nghiệp không?

Gợi ý/đáp án: Không; còn có người lao động, khách hàng, Nhà nước và cộng đồng hưởng lợi gián tiếp.

Câu hỏi: Mắt xích nào vừa mang ý nghĩa kinh tế, vừa mang ý nghĩa xã hội?

Gợi ý/đáp án: Duy trì sản xuất và việc làm vừa tạo giá trị kinh tế, vừa ổn định đời sống xã hội.

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV: Chốt: một hỗ trợ trực tiếp có thể tạo tác động lan tỏa; phân loại kinh tế/xã hội nhằm làm rõ trọng tâm, không chia cắt tuyệt đối. HS: Ghi câu hỏi trọng tâm về cơ chế tạo ra vai trò.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (23 PHÚT)

a) Mục tiêu: Nêu được vai trò của bảo hiểm và phân tích được cơ chế hình thành các vai trò kinh tế, xã hội.

b) Nội dung: Nhóm xây dựng chuỗi tác động cho các trường hợp: BHYT thanh toán; lương hưu; BHTN hỗ trợ; bồi thường tài sản; nguồn quỹ được đầu tư theo pháp luật; bảo hiểm hàng hóa/vận tải trong giao dịch quốc tế.

c) Sản phẩm học tập: Sơ đồ: sự kiện → hỗ trợ trực tiếp → chủ thể hưởng lợi → tác động kinh tế → tác động xã hội; mỗi mũi tên có động từ.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 4–6 nhóm (hoạt động nhóm duy nhất của tiết), giao thẻ tình huống và mẫu sơ đồ. Mỗi nhóm phải giải thích ít nhất một tác động trực tiếp và một tác động lan tỏa. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ HS phân tích 9 phút; GV dùng câu hỏi sâu, không giảng thay. Câu hỏi: Vì sao một khoản chi trả/bồi thường có thể giúp duy trì sản xuất và việc làm? Gợi ý/đáp án: Khoản hỗ trợ giúp khắc phục tổn thất, khôi phục tài sản/thu nhập, duy trì tiêu dùng và sản xuất; từ đó bảo vệ việc làm và nghĩa vụ tài chính. Câu hỏi: Nguồn quỹ trở thành vốn đầu tư bằng cách nào? Có được sử dụng tùy ý không? Gợi ý/đáp án: Nguồn tiền tạm thời nhàn rỗi được quản lý và đầu tư theo quy định pháp luật, yêu cầu an toàn, hiệu quả; không phải nguồn vốn tùy ý sử dụng. Câu hỏi: Bảo hiểm thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế bằng cơ chế nào? Gợi ý/đáp án: Bảo hiểm hàng hóa, vận tải, trách nhiệm và các rủi ro khác giúp chủ thể kiểm soát tổn thất trong giao dịch, xuất nhập khẩu và đầu tư; tăng khả năng thực hiện hợp đồng và niềm tin. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Hai nhóm có chuỗi khác nhau báo cáo; nhóm còn lại dán thẻ “kinh tế”, “xã hội”, “cả hai” và giải thích. GV yêu cầu điều chỉnh cách phân loại cơ học. Câu hỏi: Một tác động có thể đồng thời là kinh tế và xã hội không? Gợi ý/đáp án: Có. Ví dụ duy trì việc làm vừa bảo đảm	2. Vai trò của bảo hiểm Về kinh tế - Góp phần chuyển giao rủi ro. - Là kênh huy động vốn để đầu tư phát triển kinh tế – xã hội. - Góp phần ổn định và tăng thu ngân sách nhà nước. - Thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế. Cơ chế phát huy vai trò kinh tế - Chi trả/bồi thường giúp cá nhân, doanh nghiệp khắc phục hậu quả, duy trì tiêu dùng, sản xuất và nghĩa vụ tài chính. - Nguồn tiền tạm thời nhàn rỗi được quản lý, đầu tư theo pháp luật, bổ sung vốn cho nền kinh tế. - Bảo hiểm giúp kiểm soát rủi ro trong giao dịch, xuất nhập khẩu và đầu tư quốc tế. Về xã hội - Giảm thiểu tổn thất, bảo đảm an toàn cho cuộc sống con người. - Góp phần hình thành lối sống tiết kiệm, dự phòng có trách nhiệm. - Góp phần tạo việc làm, giảm thất nghiệp trong nền kinh tế. Cơ chế phát huy vai trò xã hội - Tạo điểm tựa tài chính, hạn chế

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
sản xuất, thu nhập, vừa ổn định đời sống và giảm thất nghiệp kéo dài. Bước 4. Kết luận, nhận định GV chốt đúng các vai trò theo SGK, sau đó giải thích cơ chế; nhấn mạnh vai trò chỉ phát huy bền vững khi quỹ được quản lý đúng pháp luật và người tham gia thực hiện trung thực. Tích hợp năng lực số/AI HS kiểm tra một infographic/đoạn trả lời AI về vai trò bảo hiểm. Nhiệm vụ: tách dữ kiện – nhận xét – mệnh đề tuyệt đối; sửa bằng từ khóa SGK. Không thiết bị: dùng bản in; có thiết bị: đối chiếu nguồn chính thức. HS chịu trách nhiệm kết luận cuối cùng.	rơi vào khó khăn kéo dài khi gặp rủi ro. - Dịch vụ bảo hiểm tạo việc làm trong tư vấn, thẩm định, giám định, công nghệ, quản lý hợp đồng và giải quyết quyền lợi. - Góp phần giảm áp lực hỗ trợ đột xuất nhưng không thay thế trách nhiệm an sinh của Nhà nước.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (11 PHÚT)

a) Mục tiêu: Phân tích, đánh giá hành vi và xác định trách nhiệm công dân bằng việc làm cụ thể, hợp pháp, phù hợp.

b) Nội dung: Xử lý 4 tình huống: doanh nghiệp không đóng BHXH cho người thuộc diện bắt buộc; sửa hồ sơ bệnh án để được chi trả nhiều hơn; mua bảo hiểm thương mại nhưng không đọc loại trừ; người lao động phát hiện dấu hiệu đóng thiếu nhưng im lặng.

c) Sản phẩm học tập: Phiếu theo cấu trúc: nhận định – căn cứ/nguyên tắc – hậu quả – quyền bị ảnh hưởng – trách nhiệm/cách xử lý.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Giao mỗi dãy một tình huống; yêu cầu không chỉ kết luận đúng/sai mà phải chỉ ra hậu quả và hành động phù hợp. HS: Xác định vai trò người tham gia, doanh nghiệp hoặc công dân trong tình huống.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: GV: Hỗ trợ bằng từ khóa: bắt buộc – trung thực – hợp đồng – theo dõi – phản ánh/kiến nghị/ khiếu nại/tố cáo. HS: Làm cá nhân 3 phút, trao đổi theo cặp 3 phút.

Câu hỏi: Gian lận hồ sơ chỉ gây hại cho doanh nghiệp bảo hiểm hay còn ảnh hưởng người tham gia khác?

Gợi ý/đáp án: Còn làm tăng chi phí, xâm hại quỹ/nguồn tài chính, ảnh hưởng người tham gia chân chính và làm suy giảm niềm tin xã hội.

Câu hỏi: Phát hiện đóng thiếu, người lao động nên im lặng, tự gây áp lực hay sử dụng kênh nào?

Gợi ý/đáp án: Cần kiểm tra thông tin, trao đổi/kiến nghị và sử dụng cơ chế phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc trợ giúp pháp lý phù hợp; không tự xử lý cực đoan.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: GV: Mời bốn cặp báo cáo; lớp phản biện tập trung vào hành vi, căn cứ, hậu quả, không công kích cá nhân. HS: Báo cáo 45 giây; bổ sung một quyền bị ảnh hưởng hoặc một cách xử lý.

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV: Chuẩn hóa trách nhiệm; giáo dục liêm chính. Lưu ý không gọi mọi hành vi vi phạm là “tham nhũng” khi chưa đủ dấu hiệu pháp luật. HS: Hoàn thiện phiếu và viết một cam kết hành động.

Đánh giá thường xuyên: M1: nhận định đúng; M2: có căn cứ, hậu quả và cách xử lý; M3: lập luận xác đáng, bảo vệ quyền lợi bằng kênh hợp pháp và có khả năng nhắc nhở người khác.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG (6 PHÚT)

a) Mục tiêu: Thiết kế thông điệp vận động tham gia bảo hiểm chính xác, cân bằng quyền lợi – trách nhiệm, phù hợp đối tượng.

b) Nội dung: Chọn một loại hình; xây dựng bản thảo gồm: tên – đối tượng – rủi ro/nhu cầu – cơ chế hỗ trợ – sự cần thiết – hai lợi ích – một giới hạn – một trách nhiệm – thông điệp hành động.

c) Sản phẩm học tập: Bản thảo 9 ý; có thể hoàn thiện thành bài nói 2 phút, poster hoặc infographic sau tiết học.

d) Tổ chức thực hiện

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV: Phát khung; nêu bốn yêu cầu: không hứa chi trả mọi trường hợp; không nhầm BHYT với bảo hiểm sức khỏe thương mại; nêu quyền lợi và trách nhiệm; không tự đặt mức hưởng. HS: Chọn đối tượng cụ thể và xác định thông điệp.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: GV: Hướng dẫn kiểm chứng nguồn và bảo vệ dữ liệu; nếu dùng Canva/AI, chỉ dùng để hỗ trợ trình bày/gợi ý cấu trúc. HS: Viết nháp; ghi nguồn chính thống; không nhập dữ liệu cá nhân vào công cụ công cộng.

Bước 3. Báo cáo, chia sẻ: GV: Mời hai học sinh đọc thông điệp; lớp bình chọn sản phẩm có căn cứ nhất. HS: Trình bày 30 giây, phản hồi theo rubric.

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV: Tổng kết: hiểu đúng rủi ro – chọn đúng bảo hiểm – thực hiện đúng trách nhiệm – bảo vệ quyền lợi bằng thông tin chính xác. HS: Tự đánh giá M1/M2/M3 và hoàn thiện sản phẩm.

PHỤ LỤC TIẾT 1

1. Phiếu học tập số 1 – Cơ chế chia sẻ/chuyển giao hậu quả tài chính của rủi ro

Câu hỏi/tiêu chí	Kết quả của học sinh
Ai tham gia?	
Người tham gia thực hiện nghĩa vụ gì?	
Nguồn tiền được hình thành ra sao?	
Sự kiện nào làm phát sinh quyền lợi?	
Chủ thể bảo hiểm thực hiện việc gì?	
Bảo hiểm có làm rủi ro biến mất không? Vì sao?	
Vì sao người không gặp rủi ro không có nghĩa là “mất tiền vô ích”?	
Quyền lợi phụ thuộc những điều kiện/giới hạn nào?	

2. Bảng so sánh định hướng

Tiêu chí	BHXH bắt buộc	BHXH tự nguyện	BHYT	Bảo hiểm sức khỏe thương mại
Chủ thể tổ chức/cung cấp	Nhà nước	Nhà nước	Nhà nước	Doanh nghiệp bảo hiểm
Đối tượng/tính	Nhóm luật định	Công dân Việt	Bắt buộc với	Theo hợp đồng; lưu

Tiêu chí	BHXH bắt buộc	BHXH tự nguyện	BHYT	Bảo hiểm sức khỏe thương mại
chất	phải tham gia	Nam tự nguyện tham gia	nhóm luật định	ý có sản phẩm/bảo hiểm bắt buộc theo pháp luật
Nhu cầu chủ yếu	Thay thế/bù đắp một phần thu nhập	Thay thế/bù đắp một phần thu nhập; các chế độ khi đủ điều kiện luật định	Chi phí khám, chữa bệnh	Sức khỏe, thân thể, tính mạng theo hợp đồng
Căn cứ quyền lợi	Pháp luật	Pháp luật	Pháp luật	Hợp đồng và pháp luật
Điều cần kiểm tra	Đối tượng, thời gian/điều kiện	Mức/phương thức đóng, điều kiện hưởng	Phạm vi, mức hưởng, thủ tục	Phạm vi, điều kiện, loại trừ, thời hạn

3. Rubric đánh giá sản phẩm HD2

Tiêu chí	Mức 3 – Tốt	Mức 2 – Đạt	Mức 1 – Cần hỗ trợ
Sơ đồ cơ chế	Đủ 5 thành tố, quan hệ logic; nêu giới hạn.	Đủ phần lớn thành tố, còn thiếu một liên kết.	Thiếu nhiều thành tố hoặc sắp xếp sai.
Phân biệt loại hình	Đúng chủ thể, nhu cầu, căn cứ và giới hạn.	Đúng cơ bản, còn một nhầm lẫn.	Nhầm bản chất giữa các loại hình.
Lập luận	Giải thích vì sao, phản biện ngộ nhận và có ví dụ.	Có giải thích nhưng còn chung.	Chỉ gọi tên, không giải thích.
Hợp tác	Phân công rõ; lắng nghe; báo cáo đúng thời gian.	Có phối hợp nhưng chưa đồng đều.	Phụ thuộc một thành viên hoặc quá thời gian.

4. Lưu ý cho giáo viên

- Không nói “bảo hiểm làm giảm xác suất rủi ro”; bảo hiểm chủ yếu làm giảm/chia sẻ hậu quả tài chính.
- Không nói “đóng đủ 15 năm là nhận lương hưu ngay”; còn phải đáp ứng tuổi và các điều kiện khác theo pháp luật hiện hành.
- Không dùng cụm “BHYT tự nguyện do công ty bảo hiểm cung cấp”; BHYT do Nhà nước tổ chức, còn sản phẩm sức khỏe do doanh nghiệp cung cấp là bảo hiểm sức khỏe thương mại.

- Không khẳng định mọi chi phí, mọi tổn thất đều được thanh toán; phải nêu phạm vi, điều kiện và giới hạn.
- Không yêu cầu học sinh công khai thông tin sức khỏe, số định danh, số hợp đồng hoặc dữ liệu cá nhân.

PHỤ LỤC TIẾT 2

1. Phiếu học tập số 2 – Hồ sơ rủi ro

Hồ sơ	Rủi ro/đối tượng bảo vệ	Loại bảo hiểm	Hình thức hỗ trợ	Giới hạn cần lưu ý
1. Mất việc do doanh nghiệp thu hẹp sản xuất	Thu nhập, khả năng quay lại việc làm	BHTN	Trợ cấp; tư vấn, giới thiệu việc làm; hỗ trợ kỹ năng	Đủ điều kiện luật định
2. Kho hàng cháy	Máy móc, hàng hóa, nguyên liệu	Bảo hiểm tài sản	Bồi thường theo hợp đồng	Phạm vi, số tiền, loại trừ
3. Tai nạn cá nhân ngoài quan hệ lao động	Sức khỏe, thân thể, tính mạng	Bảo hiểm con người/sức khỏe thương mại	Trả tiền/chi trả theo hợp đồng	Sự kiện, phạm vi, loại trừ
4. Gây thiệt hại cho người thứ ba	Trách nhiệm bồi thường	Bảo hiểm trách nhiệm dân sự	Hỗ trợ nghĩa vụ bồi thường	Giới hạn trách nhiệm, loại trừ

2. Đáp án định hướng – Sự cần thiết của bảo hiểm

- Rủi ro có thể xảy ra bất ngờ; mức tổn thất có thể lớn và khó dự đoán.
- Khả năng tự khắc phục của cá nhân, gia đình và doanh nghiệp luôn có giới hạn.
- Bảo hiểm tạo cơ chế dự phòng, chia sẻ/chuyển giao hậu quả tài chính và hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất.
- Bảo hiểm phải có hiệu lực trước khi sự kiện thuộc phạm vi bảo hiểm xảy ra.
- Tiết kiệm, phòng ngừa và bảo hiểm bổ sung cho nhau; không công cụ nào thay thế tuyệt đối công cụ còn lại.
- Một số loại hình bắt buộc nhằm bảo vệ người lao động, người thứ ba hoặc lợi ích công cộng.

3. Rubric đánh giá

Tiêu chí	Mức 3 – Tốt	Mức 2 – Đạt	Mức 1 – Cần hỗ trợ
Nhận diện rủi ro	Ít nhất 4 rủi ro đa dạng, mô tả rõ.	Có 3–4 rủi ro nhưng còn trùng.	Rủi ro ít hoặc mơ hồ.
Lựa chọn giải pháp	Phối hợp phòng ngừa, tiết kiệm, bảo hiểm phù hợp.	Đúng phần lớn, còn một lựa chọn chưa rõ.	Nhằm nhiều hoặc chỉ dùng bảo hiểm.
Giải thích	Có lí do và điều kiện/giới hạn cần kiểm tra.	Có lí do nhưng thiếu giới hạn.	Chỉ liệt kê, không lí giải.
Tính thực tiễn	Phương án cân đối,	Có thể áp dụng	Thiếu khả thi hoặc

Tiêu chí	Mức 3 – Tốt	Mức 2 – Đạt	Mức 1 – Cần hỗ trợ
	không tuyệt đối hóa.	nhưng chưa đủ lớp bảo vệ.	quảng cáo tuyệt đối.

4. Nghị nhận cần xử lý

- “BHTN chỉ là tiền trợ cấp”: chưa đầy đủ; còn có tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo/nâng cao kỹ năng và hỗ trợ quay lại thị trường lao động.
- “Mọi bảo hiểm thương mại đều tự nguyện”: không chính xác; pháp luật có một số bảo hiểm bắt buộc.
- “Có hợp đồng thì công ty phải chi trả mọi trường hợp”: sai; phải xem phạm vi, điều kiện và điều khoản loại trừ.
- “Tiết kiệm thay thế hoàn toàn bảo hiểm”: sai; hai công cụ có chức năng khác nhau và bổ sung cho nhau.
- “Mua bảo hiểm sau khi rủi ro xảy ra vẫn được chi trả”: sai; bảo hiểm phải có hiệu lực trước sự kiện thuộc phạm vi bảo hiểm.

PHỤ LỤC TIẾT 3

1. Phiếu học tập số 3 – Chuỗi tác động

Sự kiện	Hỗ trợ trực tiếp	Chủ thể hưởng lợi	Tác động kinh tế	Tác động xã hội
Người bệnh điều trị	Quỹ BHYT thanh toán theo phạm vi/mức hưởng	Người bệnh, gia đình	Giảm cú sốc tài chính; duy trì khả năng chi tiêu	Tiếp cận chăm sóc sức khỏe; an toàn đời sống
Người lao động về già	Lương hưu theo điều kiện	Người lao động, gia đình	Duy trì thu nhập, tiêu dùng	Ổn định đời sống tuổi già
Người lao động mất việc	Trợ cấp; tư vấn; đào tạo/kỹ năng	Người lao động, doanh nghiệp, thị trường lao động	Giảm gián đoạn thu nhập; sớm trở lại việc làm	Giảm thất nghiệp kéo dài
Doanh nghiệp tổn thất tài sản	Bồi thường theo hợp đồng	Doanh nghiệp, người lao động, khách hàng	Khôi phục sản xuất; duy trì nghĩa vụ tài chính	Giữ việc làm; duy trì cung ứng
Hàng hóa/vận tải quốc tế gặp rủi ro	Bồi thường/hỗ trợ theo hợp đồng	Doanh nghiệp, đối tác	Kiểm soát tổn thất; duy trì giao dịch	Tăng niềm tin và ổn định quan hệ kinh tế

2. Trách nhiệm công dân về bảo hiểm

- Chủ động tìm hiểu chính sách và loại hình bảo hiểm phù hợp.
- Tham gia bảo hiểm bắt buộc khi thuộc đối tượng luật định; thực hiện trách nhiệm đóng đúng, đủ, đúng thời hạn.

- Cung cấp thông tin trung thực, chính xác; không làm giả hồ sơ, gian lận hoặc trục lợi.
- Theo dõi quá trình đóng; đọc, hiểu quyền lợi, điều kiện, phạm vi và điều khoản loại trừ.
- Thông báo kịp thời khi sự kiện bảo hiểm xảy ra; phối hợp cung cấp hồ sơ đúng quy định.
- Kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hoặc sử dụng cơ chế pháp lý phù hợp khi quyền lợi hợp pháp bị xâm phạm.
- Tuyên truyền, vận động người thân tham gia phù hợp; không lan truyền thông tin sai lệch.
- Bảo vệ dữ liệu cá nhân; không nhập thông tin sức khỏe, số định danh hoặc hợp đồng vào công cụ AI công cộng.

3. Rubric bài thuyết phục

Tiêu chí	Mức 3 – Tốt	Mức 2 – Đạt	Mức 1 – Cần hỗ trợ
Độ chính xác	Đúng loại hình, đối tượng, cơ chế và giới hạn.	Đúng cơ bản, còn một điểm chưa rõ.	Nhầm loại hình hoặc hứa hẹn sai.
Lập luận	Nêu rủi ro, sự cần thiết, hai lợi ích có quan hệ logic.	Có lợi ích nhưng lí giải còn chung.	Chỉ kêu gọi, thiếu căn cứ.
Trách nhiệm	Nêu rõ nghĩa vụ, kênh bảo vệ quyền và dữ liệu.	Có nhắc trách nhiệm nhưng chưa cụ thể.	Chỉ nói quyền lợi hoặc dùng dữ liệu không phù hợp.
Trình bày	Rõ đối tượng, súc tích, thuyết phục, có nguồn.	Dễ hiểu nhưng thiếu một thành tố.	Dài dòng, mơ hồ, quảng cáo tuyệt đối.

4. Ma trận liên kết yêu cầu cần đạt – hoạt động – minh chứng – mức độ

YCCĐ	Hoạt động trọng tâm	Minh chứng	Mức độ đạt
YCCĐ3.1: Nêu khái niệm và vai trò	Tiết 1 HĐ2; Tiết 3 HĐ2	Sơ đồ cơ chế; sơ đồ chuỗi tác động	M1 nêu đúng; M2 có ví dụ/giải thích; M3 phân tích cơ chế
YCCĐ3.2: Giải thích sự cần thiết	Tiết 2 HĐ3	Đoạn CER phản biện	M1 nêu lí do; M2 có quan hệ nhân-quả; M3 phản biện và khuyến nghị
YCCĐ3.3: Liệt kê loại hình	Tiết 1 HĐ2–3; Tiết 2 HĐ2	Bảng so sánh; hồ sơ rủi ro	M1 gọi tên; M2 phân biệt có căn cứ; M3 xử lí trường hợp dễ nhầm
YCCĐ3.5: Thực hiện trách nhiệm	Tiết 3 HĐ3–4	Phiếu tình huống; thông điệp vận động	M1 nêu hành động; M2 thực hiện thường xuyên; M3 hướng dẫn/nhắc nhở người khác

5. Bảng kiểm quan sát trong quá trình học

Biểu hiện quan sát	Đạt	Chưa đạt/Ghi chú
--------------------	-----	------------------

Biểu hiện quan sát	Đạt	Chưa đạt/Ghi chú
Khai thác đúng SGK và nguồn chính thống; phân biệt dữ kiện với nhận xét.		
Dùng thuật ngữ đúng; không tuyệt đối hóa quyền lợi bảo hiểm.		
Giải thích được bằng quan hệ rủi ro – hậu quả – cơ chế hỗ trợ.		
Đánh giá hành vi dựa trên căn cứ, hậu quả và quyền bị ảnh hưởng.		
Đề xuất hành động cụ thể, hợp pháp, phù hợp lứa tuổi.		
Hợp tác, lắng nghe, phản biện tập trung vào vấn đề.		
Sử dụng AI có kiểm chứng; bảo vệ dữ liệu cá nhân.		

GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC VÀ LƯU Ý CẬP NHẬT

- Phê phán trốn đóng, chậm đóng, làm giả hồ sơ, gian lận và trục lợi vì xâm hại quyền lợi, làm suy giảm tính bền vững của quỹ/nguồn tài chính và niềm tin xã hội.
- Không gán nhãn “tham nhũng” cho mọi hành vi vi phạm; cần căn cứ chủ thể, hành vi, mục đích và quy định pháp luật.
- Khuyến khích học sinh sử dụng kênh tư vấn, phản ánh, kiến nghị, khiếu nại hoặc tố cáo phù hợp thay vì im lặng hoặc tự xử lý cực đoan.
- Căn cứ cập nhật: Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15; Luật số 51/2024/QH15 sửa đổi Luật Bảo hiểm y tế; Luật Việc làm số 74/2025/QH15; Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 và văn bản sửa đổi, bổ sung hiện hành.
- Không đưa mức đóng, mức hưởng, thủ tục hoặc điều kiện chi tiết khi chưa có căn cứ và không phục vụ trực tiếp yêu cầu cần đạt.
- Khi SGK chưa cập nhật kịp pháp luật hiện hành, giữ mạch kiến thức nền, ghi chú cập nhật rõ ràng, không suy diễn hoặc mở rộng thành bài học pháp luật chuyên sâu.

Tiết 14,15,16

Ngày soạn: 4/10/2026

BÀI 4. AN SINH XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Nêu được khái niệm và vai trò của an sinh xã hội.
- Giải thích được sự cần thiết của an sinh xã hội.
- Gọi tên được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản; trình bày được đối tượng, cách hỗ trợ và ý nghĩa chủ yếu của từng chính sách theo nội dung SGK.
- Thực hiện được trách nhiệm của công dân về an sinh xã hội bằng những việc làm cụ thể và phù hợp; biết phê phán hành vi gian lận, trục lợi, cản trở quyền được bảo đảm an sinh xã hội.

2. Về năng lực:

- **Năng lực tự chủ và tự học:** Chủ động đọc SGK, khai thác học liệu, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Trao đổi có căn cứ, lắng nghe, phân công nhiệm vụ và thống nhất sản phẩm chung.
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Phân tích tình huống an sinh xã hội, lựa chọn cách ứng xử có trách nhiệm và đề xuất thông điệp truyền thông phù hợp.
- **Năng lực điều chỉnh hành vi:** Nhận xét, đánh giá hành vi thực hiện chính sách; tự điều chỉnh, nhắc nhở người khác kê khai trung thực, không gian lận, trục lợi.
- **Năng lực phát triển bản thân:** Xác định cách chủ động phòng ngừa rủi ro, tiếp cận chính sách và thực hiện trách nhiệm phù hợp với lứa tuổi.
- **Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội:** Thu thập, đánh giá thông tin; phân tích kết quả chính sách; tham gia hoạt động hỗ trợ cộng đồng phù hợp.

3. Về phẩm chất:

- **Nhân ái:** Quan tâm, chia sẻ với người gặp khó khăn, người có công và các nhóm dễ bị tổn thương; tôn trọng quyền được bảo đảm an sinh xã hội.
- **Trung thực:** Kê khai, cung cấp và sử dụng thông tin đúng sự thật; không tiếp tay cho gian lận, trục lợi chính sách.
- **Trách nhiệm:** Chủ động tìm hiểu, thực hiện quy định; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân và cộng đồng; tham gia hoạt động tri ân, hỗ trợ phù hợp.
- **Chăm chỉ:** Tích cực đọc, phân tích thông tin, hoàn thành sản phẩm cá nhân và sản phẩm hợp tác.

4. Nội dung tích hợp:

- **Quyền con người:** Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền của trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và các nhóm dễ bị tổn thương.
 - **Đạo đức, lối sống:** Tinh thần tương thân, tương ái; uống nước nhớ nguồn; tôn trọng, không kì thị người thụ hưởng; sử dụng nguồn lực hỗ trợ đúng mục đích.
 - **Người có công và Chiến dịch 500 ngày đêm:** Chăm lo người có công, thân nhân liệt sĩ; phân biệt chính sách ưu đãi người có công với trợ giúp xã hội theo nghĩa pháp lí hẹp.
 - Phòng, chống tác hại của thuốc lá: Phân tích mối liên hệ giữa sử dụng thuốc lá với suy giảm sức khỏe, giảm thu nhập, tăng chi phí khám chữa bệnh và gia tăng gánh nặng đối với gia đình, bảo hiểm y tế và hệ thống an sinh xã hội.
 - Năng lực số: Tìm kiếm, đánh giá, chia sẻ thông tin; tạo sản phẩm số; bảo vệ dữ liệu cá nhân khi tìm hiểu và truyền thông về chính sách an sinh xã hội.
 - Năng lực AI [NLC]: Sử dụng công cụ AI tạo sinh để gợi ý, tóm tắt hoặc hỗ trợ thiết kế sản phẩm; biết kiểm chứng với SGK và nguồn chính thống, không phụ thuộc vào AI, không nhập dữ liệu cá nhân nhạy cảm.
- + Mã 1.1.NC1b: Áp dụng kĩ thuật tìm kiếm để khai thác thông tin số về chính sách an sinh xã hội từ nguồn phù hợp. Vận dụng Tiết 1, Tiết 2 hoặc Tiết 3: HS tự tìm nguồn chính thống.
- + Mã 1.2.NC1a: Đánh giá độ tin cậy của dữ liệu, nhận biết thời điểm, nguồn công bố và mục đích sử dụng. Tiết 2: Phiếu “Nhà phân tích chính sách”; câu hỏi kiểm chứng nguồn.
- + Mã 2.2.NC1a: Chia sẻ dữ liệu, thông tin và sản phẩm học tập bằng công cụ số phù hợp, có ghi nguồn. Sản phẩm vận dụng: bài viết, ghi âm, slide hoặc áp phích số.

+ Mã 3.1.NC1a: Tạo và chỉnh sửa nội dung ở định dạng văn bản, sơ đồ hoặc áp phích số. Vận dụng Tiết 3: thông điệp “Bảo vệ quyền - bảo vệ quỹ an sinh”.

+ Mã NLC: Sử dụng AI hỗ trợ học tập có trách nhiệm; kiểm chứng nội dung, công khai mức độ sử dụng AI và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

II. THIẾT BỊ GIÁO DỤC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy tính kết nối Internet, máy chiếu hoặc bảng tương tác, loa, bảng phụ, giấy A3/A4, bút dạ, thẻ A/B/C/D, thẻ Đúng/Sai hoặc Đỏ/Xanh. Phương án thay thế: giáo viên chuẩn bị sẵn tư liệu in khi học sinh không sử dụng điện thoại tại lớp.

2. Học liệu: SGK, SGV Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống); hai tài liệu cập nhật SGK năm 2026; phiếu học tập; Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024; tư liệu ảnh/video từ các công thông tin chính thống. Mỗi tư liệu thời sự chỉ dùng để minh họa, không thay thế nội dung kiến thức của SGK và phải ghi rõ nguồn, ngày công bố.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1: AN SINH XÃ HỘI VÀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI CƠ BẢN

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu: Kích hoạt hiểu biết về rủi ro; xác định nhu cầu cần hỗ trợ và vấn đề học tập của tiết 1.

b) Nội dung: HS xem đoạn video/quan sát tình huống: người lao động mất việc, một thành viên điều trị dài ngày, nhà ở hư hỏng do thiên tai; Nếu gặp hoàn cảnh như thế em có 1 điều ước hãy ghi 3 rủi ro - 2 nhu cầu hỗ trợ - 1 câu hỏi.

c) Sản phẩm: Phiếu 3-2-1 có từ khóa đúng; HS chưa cần gọi chính xác tên chính sách.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS đọc tình huống, phát phiếu và nhấn mạnh: chỉ ghi từ khóa, không tra SGK trong 60 giây đầu.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS làm cá nhân 1 phút, trao đổi cặp đôi 1 phút. GV quan sát và gợi ý phân biệt “rủi ro” với “biện pháp hỗ trợ”.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Ba cặp trình bày. GV hỏi: Mất việc cần hỗ trợ gì? Điều trị dài ngày cần điểm tựa nào? Thiên tai cần hỗ trợ thường xuyên hay khẩn cấp? Đáp án dự kiến: kết nối/đào tạo việc làm; bảo hiểm; trợ giúp đột xuất.

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV chốt vấn đề: một cá nhân hoặc gia đình có thể đồng thời gặp nhiều rủi ro; vì vậy cần một hệ thống chính sách bổ sung cho nhau, không phải những hỗ trợ rời rạc. Dẫn vào câu hỏi: An sinh xã hội là gì và hệ thống này gồm những chính sách cơ bản nào?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

NỘI DUNG 1: TÌM HIỂU KHÁI NIỆM VÀ 4 TRỤ CỘT AN SINH XÃ HỘI CƠ BẢN

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm; giải thích bước đầu sự cần thiết; gọi tên, trình bày được đối tượng, cách hỗ trợ và ý nghĩa của bốn chính sách cơ bản.

b) Nội dung: Đọc SGK; hoạt động nhóm chuyên gia - mảnh ghép; kiểm chứng nhận định AI “An sinh xã hội chỉ dành cho người nghèo và chỉ gồm ba chính sách”.

c) Sản phẩm: Phiếu số 1; sơ đồ 4 nhánh; câu trả lời AI đã sửa; câu trả lời cho câu hỏi chuyên sâu.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Phương pháp và kĩ thuật - Phương pháp: Dạy học khám phá kết hợp Mảnh ghép. - Kĩ thuật: Nhóm chuyên gia - nhóm mảnh ghép; gạch từ khóa; sơ đồ 4 nhánh. - Học liệu: SGK Bài 4; trang cập nhật 28 và 38; ảnh/video, bài viết chính thống về việc làm, bảo hiểm, trợ giúp xã hội và dịch vụ xã hội cơ bản. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV chiếu video và đặt câu hỏi: Nội dung video đề cập đến những chính sách an sinh xã hội nào? https://www.youtube.com/watch?v=CdBhihr8ynU 1. An sinh xã hội là gì? Trả lời: Là hệ thống chính sách, chương trình của Nhà nước và các lực lượng xã hội nhằm hạn chế, phòng ngừa, khắc phục rủi ro cho thành viên cộng đồng khi bị mất, giảm thu nhập hoặc gặp rủi ro xã hội khác. Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm chuyên gia: + Nhóm 1: Chính sách hỗ trợ việc làm. + Nhóm 2: Chính sách về bảo hiểm. + Nhóm 3: Chính sách trợ giúp xã hội. + Nhóm 4: Chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản. Mỗi nhóm đọc đúng phần SGK, gạch từ khóa: đối tượng - cách hỗ trợ - ví dụ - ý nghĩa. Sau đó học sinh trở về nhóm mảnh ghép để hoàn thành sơ đồ chung. 2. Hệ thống an sinh xã hội trong SGK gồm những trụ cột nào? Trả lời: Hỗ trợ việc làm; chính sách về bảo hiểm; trợ giúp xã hội; bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản. 3. Chính sách hỗ trợ việc làm được thực hiện bằng những cách nào? Trả lời: Tư vấn, giới thiệu việc làm; tổ chức hội chợ việc làm; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao tay nghề; hỗ trợ tạo việc làm. Ví dụ cập nhật: Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở Nội vụ tổ chức hội chợ việc làm và lớp bồi dưỡng nâng cao tay nghề.	Yêu cầu cần đạt - Nêu được khái niệm an sinh xã hội. - Giải thích bước đầu sự cần thiết của an sinh xã hội. - Gọi tên được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản. 1. Khái niệm an sinh xã hội An sinh xã hội là hệ thống các chính sách, chương trình của Nhà nước và các lực lượng xã hội nhằm hạn chế, phòng ngừa và khắc phục rủi ro cho các thành viên trong cộng đồng trong trường hợp bị mất hoặc giảm thu nhập hay khi gặp phải những rủi ro xã hội khác. 2. Các chính sách an sinh xã hội cơ bản <i>a) Chính sách hỗ trợ việc làm</i> - hỗ trợ người lao động nâng cao cơ hội tìm việc, tham gia thị trường lao động, tạo thu nhập và từng bước bảo đảm thu nhập tối thiểu; ưu tiên người nghèo, thanh niên, lao động nông thôn và nhóm lao động dễ bị tổn thương. Ý nghĩa: cải thiện cuộc sống, chuyển đổi cơ cấu việc làm, giảm thất nghiệp, giảm nghèo và ổn định xã hội. - Ví dụ cập nhật trang 38: Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở Nội vụ tổ chức hội chợ việc làm, bồi dưỡng nâng cao tay nghề và chuyển giao tiến bộ khoa học kĩ thuật. - <i>Chính sách về bảo hiểm:</i> hỗ trợ người dân phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro khi bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp,

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
4. Chính sách về bảo hiểm giúp phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro nào? Trả lời: Giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, nghỉ hưu hoặc chết; hỗ trợ chi phí chăm sóc sức khỏe. gv chiếu video lợi ích khi tham gia bảo hiểm xã hội 5. Chính sách trợ giúp xã hội hướng tới những trường hợp nào? Trả lời: Người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn cần trợ giúp thường xuyên; người gặp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc khó khăn bất ngờ cần trợ giúp đột xuất. - Liên hệ người có công: ngữ liệu SGK năm 2022 nhấn mạnh khoản hỗ trợ người có công, thân nhân người có công là hệ chính sách chuyên biệt, không đồng nhất hoàn toàn với đối tượng bảo trợ xã hội theo nghĩa pháp lý hẹp. 6. Chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản gồm những nội dung nào? Trả lời: Hỗ trợ người dân tiếp cận giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường, thông tin và các dịch vụ thiết yếu khác; ưu tiên nhóm nghèo, khó khăn, dễ bị tổn thương. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh làm việc ở nhóm chuyên gia 5 phút, nhóm mảnh ghép 6 phút. Giáo viên quan sát, dùng câu hỏi gợi mở; yêu cầu nhóm đối chiếu SGK và trang cập nhật, không dựa hoàn toàn vào bản tóm tắt AI. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Mỗi nhóm trình bày một nhánh trong 2 phút. Nhóm khác dùng thẻ “Đúng - Cần bổ sung” để	khi nghỉ hưu hoặc chết; gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chính sách liên quan. Ý nghĩa: góp phần bù đắp thu nhập, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ duy trì và tìm việc làm, ổn định đời sống. - <i>Chính sách trợ giúp xã hội</i>: bảo vệ các thành viên trong xã hội trên cơ sở tương trợ cộng đồng, chia sẻ rủi ro; gồm trợ giúp thường xuyên tại cộng đồng cho người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và trợ giúp đột xuất khi gặp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc khó khăn bất ngờ. Ý nghĩa: giúp người thụ hưởng ổn định cuộc sống và bảo đảm mức sống tối thiểu. - <i>Chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản</i>: hỗ trợ người dân tiếp cận giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin và các dịch vụ thiết yếu khác ở mức tối thiểu; ưu tiên người nghèo, người khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số. Ý nghĩa: bảo đảm nhu cầu cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm chênh lệch về cơ hội tiếp cận.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
phản hồi. Giáo viên yêu cầu học sinh nêu căn cứ SGK cho tên trụ cột và ví dụ. Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chuẩn hóa khái niệm và 4 trụ cột; nhấn mạnh bài tập trang 38 nêu ba chính sách là một nhận định chưa đầy đủ, học sinh phải phát hiện còn thiếu trụ cột bảo đảm dịch vụ xã hội cơ bản. Câu hỏi: Vì sao an sinh xã hội là những chính sách cần thiết ở nước ta hiện nay?	3. Sự cần thiết của an sinh xã hội - Mọi người đều có thể gặp rủi ro làm giảm hoặc mất thu nhập. - Khả năng tự khắc phục rủi ro của mỗi cá nhân, gia đình không giống nhau. - An sinh xã hội góp phần bảo đảm quyền con người, giảm nghèo, hạn chế bất bình đẳng, ổn định và phát triển xã hội.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Phần A. Bài tập SGK/bài tập bám yêu cầu cần đạt

a) Mục tiêu hoạt động: Củng cố khái niệm, 4 trụ cột an sinh xã hội cơ bản và sự cần thiết của an sinh xã hội.

b) **Nội dung hoạt động:** Học sinh khai thác SGK và thực hiện các bài tập sau:

1. Em hãy nêu khái niệm an sinh xã hội; gọi tên, trình bày đặc điểm và ý nghĩa của các chính sách an sinh xã hội cơ bản.

2. Qua các thông tin trong SGK, hãy giải thích sự cần thiết của chính sách an sinh xã hội ở nước ta hiện nay.

c) **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời có căn cứ, sử dụng đúng thuật ngữ và bám sát yêu cầu cần đạt.

d) Tổ chức thực hiện: Phương pháp luyện tập thực hành; kỹ thuật Think - Pair - Share và thẻ A/B/C/D.

- **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập, yêu cầu học sinh đọc kỹ dữ kiện, xác định từ khóa và làm việc cá nhân.

- **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh hoàn thành câu trả lời trong vở/phiếu, sau đó trao đổi cặp đôi để kiểm tra và bổ sung căn cứ.

- **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận: Một số cặp trình bày; học sinh khác nhận xét theo tiêu chí đúng kiến thức, có căn cứ, dùng thuật ngữ chính xác.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên chốt 4 trụ cột an sinh xã hội gồm: hỗ trợ việc làm; chính sách về bảo hiểm; trợ giúp xã hội; bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản. Nhận định ở bài tập trang 38 chỉ nêu ba chính sách là chưa đầy đủ vì còn thiếu trụ cột bảo đảm dịch vụ xã hội cơ bản.

Đáp án/gợi ý đáp án Phần A:

Câu 1. An sinh xã hội là hệ thống các chính sách, chương trình của Nhà nước và các lực lượng xã hội nhằm hạn chế, phòng ngừa và khắc phục rủi ro cho các thành viên trong cộng đồng khi bị mất hoặc giảm thu nhập hay gặp rủi ro xã hội khác.

a) Chính sách hỗ trợ việc làm:

b) Chính sách về bảo hiểm:

c) Chính sách trợ giúp xã hội:

d) Chính sách đảm bảo các dịch vụ xã hội cơ bản:

Mối quan hệ giữa 4 trụ cột: Mỗi trụ cột có đối tượng và cách hỗ trợ khác nhau nhưng bổ sung cho nhau, tạo thành hệ thống phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro, đồng thời bảo đảm các nhu cầu và dịch vụ thiết yếu.

Câu 2. Các chính sách an sinh xã hội cần thiết vì con người luôn đứng trước nguy cơ thất nghiệp, ốm đau, tai nạn, tuổi già, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro làm giảm hoặc mất thu nhập. Kinh tế thị trường có thể làm gia tăng bất bình đẳng, phân hóa giàu nghèo và mức độ dễ bị tổn thương. An sinh xã hội giúp giảm nghèo, nâng cao năng lực tự bảo vệ, bảo đảm quyền con người, ổn định, phát triển và công bằng xã hội. Các chính sách an sinh xã hội cơ bản bổ sung cho nhau; mức độ đáp ứng được đánh giá qua bao phủ, mức hỗ trợ, tiếp cận, kịp thời, chất lượng, công bằng và bền vững.

Phần B. Luyện tập trắc nghiệm

a) Mục tiêu hoạt động: củng cố kiến thức ở mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng; rèn kỹ năng đọc dữ kiện, xác định bản chất vấn đề theo định hướng đề tốt nghiệp THPT năm 2026.

b) Nội dung hoạt động: Học sinh trả lời 06 câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

c) Sản phẩm học tập: Bảng đáp án 06 câu hỏi trắc nghiệm và lời giải thích ngắn cho các câu có tính phân hóa.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên phát hoặc trình chiếu 06 câu hỏi; học sinh làm cá nhân, chọn một phương án đúng nhất.

Phần B. Luyện tập trắc nghiệm

Câu 1. Nội dung nào sau đây thể hiện đúng nhất khái niệm an sinh xã hội?

A. Hoạt động từ thiện tự nguyện chỉ dành cho người nghèo.

B. Hệ thống chính sách, chương trình nhằm hạn chế, phòng ngừa và khắc phục rủi ro làm giảm hoặc mất thu nhập và các rủi ro xã hội khác.

C. Các khoản đóng góp bắt buộc của người lao động vào quỹ bảo hiểm.

D. Hoạt động cứu trợ chỉ được thực hiện sau thiên tai, dịch bệnh.

Câu 2. Trung tâm dịch vụ việc làm tổ chức đào tạo kỹ năng và kết nối tuyển dụng cho thanh niên nông thôn là thực hiện chính sách nào sau đây?

A. Hỗ trợ việc làm.

B. Chính sách về bảo hiểm.

C. Trợ giúp xã hội.

D. Chính sách tín dụng ưu đãi.

Câu 3. Nhà nước hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế cho người thuộc nhóm được ngân sách bảo đảm hoặc hỗ trợ mức đóng là biểu hiện của chính sách nào sau đây?

A. Hỗ trợ việc làm.

B. Chính sách về bảo hiểm.

C. Trợ giúp xã hội đột xuất.

D. Chính sách tín dụng ưu đãi.

Câu 4. Hộ gia đình bị thiệt hại nặng do lũ quét được hỗ trợ khẩn cấp lương thực và kinh phí sửa nhà là biểu hiện trực tiếp của chính sách nào sau đây?

A. Hỗ trợ việc làm.

B. Chính sách về bảo hiểm.

C. Trợ giúp xã hội.

D. Chính sách tín dụng ưu đãi.

Đọc thông tin và trả lời câu 5: Gia đình M có người lao động chính mất việc; bà nội không có lương hưu; nhà ở bị hư hỏng do bão. Địa phương đồng thời hỗ trợ kết nối việc làm, hướng dẫn tham gia chính sách bảo hiểm phù hợp và trợ giúp khẩn cấp.

Câu 5. Thông tin trên cho thấy nội dung nào sau đây đúng về hệ thống an sinh xã hội?

A. Chỉ một chính sách có thể giải quyết mọi rủi ro.

B. Khi rủi ro tăng thì phải bổ sung thêm một nhóm chính sách mới.

C. Bốn trụ cột hoạt động tách rời, không hỗ trợ lẫn nhau.

D. Bốn trụ cột bổ sung cho nhau để phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục rủi ro và bảo đảm tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

- **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh hoàn thành câu hỏi trong 5 - 6 phút, gạch chân từ khóa làm căn cứ lựa chọn.

- **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận: Giáo viên tổ chức chữa nhanh bằng thẻ A/B/C/D hoặc bảng con; yêu cầu học sinh giải thích các câu dễ nhầm.

- **Bước 4:** Kết luận, nhận định: Giáo viên chốt đáp án: 1B, 2A, 3B, 4C, 5B, 6D; nhận xét mức độ nắm kiến thức và nhấn mạnh các điểm dễ nhầm.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu hoạt động: Vận dụng kiến thức để nhận diện đúng một trong 4 trụ cột an sinh xã hội tại địa phương.

- Mã chỉ báo năng lực số: 1.1.NC1b; 2.2.NC1a.

- Tích hợp AI: Nếu sử dụng AI để gợi ý cách trình bày, học sinh phải đối chiếu với SGK, ghi chú “có sử dụng AI hỗ trợ” và không nhập dữ liệu cá nhân.

b) Nội dung hoạt động: Phương pháp điều tra nhỏ; kỹ thuật 5W1H. Mỗi học sinh chọn một chính sách tại địa phương, xác định: Ai được hỗ trợ? Hỗ trợ gì? Do cơ quan nào thực hiện? Khi nào? Ý nghĩa ra sao? Có thể sử dụng ảnh/bản tin chính thống nhưng phải che dữ liệu cá nhân.

c) Sản phẩm học tập: Phiếu “Chính sách quanh em” dài 100 - 120 từ hoặc bản ghi âm không quá 1 phút, có ghi nguồn.

d) Tổ chức thực hiện: Giao nhiệm vụ ngoài giờ; sản phẩm được chia sẻ đầu tiết 2.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giới thiệu mẫu sản phẩm và tiêu chí: đúng chính sách, có ví dụ, nêu được ý nghĩa, bảo vệ thông tin cá nhân.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thực hiện ngoài giờ; có thể tìm nguồn và soạn văn bản hoặc sử dụng bản tin in.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đầu tiết 2, một số học sinh chia sẻ sản phẩm; lớp xác định ví dụ thuộc chính sách nào.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên phản hồi và công bố gợi ý sản phẩm đạt: gọi đúng chính sách, nêu đúng đối tượng, cách hỗ trợ, ý nghĩa; ghi nguồn và không kì thị người thụ hưởng.

TIẾT 2: VAI TRÒ CỦA AN SINH XÃ HỘI

Phương pháp, kĩ thuật chủ đạo: Dạy học theo trường hợp; phân tích dữ liệu; dạy học theo trạm; kĩ thuật Khăn trải bàn, chuỗi nguyên nhân - hệ quả và “Nhà phân tích chính sách”.

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu hoạt động: Giúp học sinh nêu dự đoán ban đầu về vai trò của an sinh xã hội và xác định câu hỏi cần giải quyết.

b) Nội dung hoạt động: cho học sinh xem video để củng cố kiến thức tiết 1 và dẫn dắt vào vai trò của an sinh xã hội ở tiết 2. GV đưa ra một nhận định: “Chỉ cho an sinh xã hội chỉ làm tăng gánh nặng, không tạo ra lợi ích kinh tế.” Các em chọn một trong ba phương án: đồng ý, không đồng ý, hoặc chưa đủ thông tin.

Hãy suy nghĩ cá nhân trong 1 phút, sau đó trao đổi nhanh với bạn bên cạnh. Khi nêu lí do, các em không nói chung chung như “em thấy đúng” hoặc “em thấy sai”, mà phải nêu được căn cứ: an sinh xã hội hỗ trợ ai, hỗ trợ khi nào, và lợi ích có thể xuất hiện trước mắt hay lâu dài.

GV chiếu ảnh [“Tổ chức Hội chợ việc làm tại Sàn giao dịch việc làm thành phố Cần Thơ”](#)(Trung tâm Lao động ngoài nước - Bộ Nội vụ, tháng 5/2026) và một ảnh minh họa người bệnh được quỹ BHYT hỗ trợ. Học sinh đánh giá nhận định: “Chỉ cho an sinh xã hội chỉ làm tăng gánh nặng, không tạo ra lợi ích kinh tế”.

Đáp án là **không đồng ý**. Chỉ cho an sinh xã hội có thể tạo áp lực ngân sách trước mắt, nhưng không thể nhìn một chiều rằng đó chỉ là gánh nặng. Về lâu dài, an sinh xã hội giúp bảo vệ người yếu thế, ổn định thu nhập, giảm nghèo, giảm bất bình đẳng, củng cố niềm tin xã hội và tạo môi trường phát triển bền vững.

Tuy nhiên, muốn chứng minh chương trình hiệu quả thì phải dùng dữ liệu. Chúng ta cần biết đối tượng thụ hưởng, nguồn số liệu, thời điểm, phạm vi, và giới hạn của số liệu.

c) Sản phẩm học tập: Một lựa chọn và một lí do ngắn gọn; xác định câu hỏi học tập: an sinh xã hội đem lại lợi ích gì cho người dân và cho phát triển kinh tế - xã hội?

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu hai hình ảnh: kết nối việc làm và người bệnh được BHYT hỗ trợ; nêu nhận định, quy định HS chọn một góc và viết một lí do trong 45 giây.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS trao đổi với một bạn cùng lựa chọn. GV gợi ý: phân biệt chi phí trước mắt với tác động trực tiếp và lâu dài.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận: Đại diện ba lựa chọn trình bày. GV không công bố đáp án hoàn chỉnh; chỉ hỏi: Dữ liệu nào cần có để chứng minh? Người nào được hưởng lợi? Lợi ích có dừng ở cá nhân không?

Bước 4. Kết luận, nhận định: GV chốt định hướng: nhận định còn phiến diện; muốn kết luận phải phân tích dữ liệu, người thụ hưởng, tác động trực tiếp, tác động lâu dài và giới hạn nguồn. Dẫn vào nhiệm vụ “Nhà phân tích chính sách”.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

NỘI DUNG 2: TÌM HIỂU VAI TRÒ CỦA AN SINH XÃ HỘI

a) Mục tiêu: Học sinh phân tích được kết quả thực hiện một số chính sách; giải thích vai trò của an sinh xã hội đối với người thụ hưởng và sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Mã năng lực số: 1.2.NC1a; 2.2.NC1a.

- Tích hợp AI: NLc - đánh giá câu trả lời AI và phát hiện cách giải thích phiến diện.

b) Nội dung: Học sinh làm việc theo trạm với số liệu SGK, trường hợp trang 38, dữ liệu BHXH năm 2025 công bố tháng 01/2026 và infographic Chính phủ về Chiến dịch 500 ngày đêm công bố ngày 08/7/2026. Tư liệu thời sự phải ghi nguồn, ngày công bố và chỉ dùng để minh họa cho vai trò.

c) Sản phẩm: Bảng phân tích có ít nhất 2 nhận xét định lượng/định tính; sơ đồ quan hệ “chính sách - tác động trực tiếp - tác động lâu dài”; đánh giá một bản giải thích AI.

Tiêu chí đánh giá: Nhận xét đúng dữ liệu; phân biệt đối tượng và vai trò; lập luận có mối quan hệ nguyên nhân - kết quả;

d) Tổ chức thực hiện:

Câu hỏi tích hợp phòng, chống tác hại của thuốc lá: Một người lao động hút thuốc kéo dài, mắc bệnh, phải nghỉ việc và điều trị tốn kém. Hãy lập chuỗi nguyên nhân - hậu quả đối với sức khỏe, thu nhập gia đình, chi phí y tế và nguồn lực an sinh; đề xuất một việc làm phòng ngừa.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
- Kỹ thuật: Khăn trải bàn; chuỗi nguyên nhân - hệ quả; “Một phút kiểm chứng nguồn”. Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - Tư liệu: Nhóm 1: + Học liệu: Thông tin, số liệu và trường hợp trong SGK Bài 4. Hội chợ việc làm Cần Thơ tháng 5/2026 Phiên giao dịch việc làm trực tuyến quý I/2026 có 187 doanh nghiệp tham gia, đăng tuyển hơn 25.200 vị trí việc làm. Riêng tại Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Cần Thơ, 83 doanh nghiệp đăng ký tuyển hơn 7.700 lao động. Người tham gia được tiếp cận thông tin tuyển dụng, phỏng vấn, tư vấn kỹ năng tìm việc và hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ. Câu hỏi khai thác 1.Hoạt động trên thuộc chính sách an sinh xã hội nào? 2.Những đối tượng nào có thể được hưởng lợi? 3.Người lao động nhận được những hỗ trợ trực tiếp nào?	YCCĐ 3.1, 3.2 Nêu được vai trò và giải thích được sự cần thiết của an sinh xã hội. Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh XH - Được hỗ trợ giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người yếu thế - Được cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nước sạch, nhà ở, thông tin. Đối với phát triển kinh tế - xã hội - Là tiêu chí thể hiện sự tiến bộ và công bằng xã hội. - Là công cụ để Nhà nước quản lí, điều tiết và phân phối lại nguồn lực. Góp phần giảm nghèo, hạn chế bất bình đẳng và thu hẹp

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
4. Việc kết nối thành công người lao động với doanh nghiệp có thể tạo ra tác động lâu dài nào? 5. Có thể dùng số lượng vị trí tuyển dụng để kết luận rằng hơn 25.200 người đã có việc làm hay không? Vì sao? 6. Vì sao chỉ nên kết luận hoạt động này “góp phần” giải quyết việc làm? Gợi ý trả lời ➤ Thuộc chính sách hỗ trợ việc làm. ➤ Đối tượng hưởng lợi: người tìm việc, người lao động cần chuyển đổi nghề, sinh viên mới tốt nghiệp và doanh nghiệp tuyển dụng. ➤ Tác động trực tiếp: tiếp cận thông tin, được tư vấn, phỏng vấn và tăng cơ hội tìm được việc làm. ➤ Tác động lâu dài: việc làm → thu nhập → duy trì đời sống và sức mua → giảm thất nghiệp → góp phần ổn định kinh tế – xã hội. ➤ Chưa thể kết luận hơn 25.200 người đã có việc làm vì đây mới là số vị trí tuyển dụng, không phải số người được tuyển và duy trì việc làm. + Sản phẩm: Hoàn thành chuỗi kết nối việc làm → cơ hội việc làm → thu nhập → sức mua → ổn định xã hội; nêu giới hạn của ngữ liệu. Nhóm 2: - Bảo hiểm và phòng ngừa rủi ro + Học liệu: Số liệu SGK về BHXH, BHYT, BHTN; tình huống người lao động hút thuốc kéo dài. + Câu hỏi trọng tâm: Bảo hiểm chia sẻ rủi ro như thế nào? Phòng ngừa rủi ro sức khỏe có ý nghĩa gì? + Sản phẩm: Phân biệt BHYT, BHXH, BHTN; hoàn thành chuỗi tác hại thuốc lá; đề xuất ít nhất 1 việc làm phòng ngừa. . Nhiệm vụ 1. Giải thích chính sách bảo hiểm thể hiện nguyên tắc chia sẻ rủi ro như thế nào? 2. Xác định lợi ích trực tiếp đối với người tham gia. 3. Hoàn thành chuỗi nguyên nhân – hậu quả của việc sử dụng thuốc lá.	chênh lệch về điều kiện sống theo vùng, các nhóm dân cư đồng thời góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. - Là công cụ để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro, giúp ổn định cuộc sống, bảo đảm mức sống tối thiểu - Phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái; củng cố quan hệ Nhà nước - nhân dân. - Tạo môi trường ổn định cho đầu tư, tăng trưởng và phát triển bền vững. - Một số dịch vụ an sinh, đặc biệt là bảo hiểm, góp phần huy động nguồn lực tài chính cho phát triển kinh tế - xã hội.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
4. Xác định tác động đối với: ➤ sức khỏe; ➤ thu nhập gia đình; ➤ chi phí y tế; ➤ nguồn lực an sinh xã hội. 5. Đề xuất một việc làm phòng ngừa. Câu hỏi ➤ Khi rủi ro xảy ra, người tham gia bảo hiểm nhận được sự hỗ trợ nào? ➤ Vì sao sự hỗ trợ này làm giảm gánh nặng tài chính đột ngột? ➤ Hút thuốc ảnh hưởng đến những ai ngoài người sử dụng? ➤ Phòng ngừa rủi ro có phải là một vai trò của an sinh xã hội không? Gợi ý trả lời Nguyên tắc chia sẻ rủi ro: Nguồn quỹ hoặc nguồn lực được hình thành và sử dụng theo quy định để hỗ trợ người tham gia khi xảy ra sự kiện bảo hiểm. Nhờ đó, cá nhân không phải tự gánh chịu toàn bộ thiệt hại tài chính. Tác động trực tiếp: ➤ Hỗ trợ một phần chi phí khám, chữa bệnh. ➤ Bù đắp hoặc hỗ trợ khi người lao động bị giảm hoặc mất thu nhập. ➤ Hỗ trợ duy trì hoặc tìm kiếm việc làm trong trường hợp phù hợp. ➤ Giúp gia đình tránh bị đẩy sâu vào khó khăn. Chuỗi nguyên nhân – hậu quả: Sử dụng thuốc lá kéo dài → tăng nguy cơ mắc bệnh → phải điều trị và nghỉ việc → tăng chi phí khám, chữa bệnh → giảm thu nhập gia đình → tăng nguy cơ khó khăn, nghèo hóa → tăng nhu cầu hỗ trợ → tạo thêm áp lực đối với hệ thống y tế và nguồn lực an sinh xã hội. Việc làm phòng ngừa: ➤ Không sử dụng thuốc lá và thuốc lá điện tử. ➤ Khuyến người thân cai thuốc. ➤ Không quảng bá hoặc rủ rê người khác sử	

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
dụng. ➤ Chủ động khám sức khỏe và xây dựng lối sống lành mạnh. Kiến thức cần hình thành An sinh xã hội không chỉ hỗ trợ sau khi rủi ro xảy ra mà còn có vai trò phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro. Phòng, chống tác hại của thuốc lá góp phần bảo vệ sức khỏe, thu nhập gia đình và nguồn lực an sinh. -Nhóm 3: - Trợ giúp xã hội và dịch vụ xã hội cơ bản + Học liệu: Số liệu SGK về trợ giúp xã hội và dịch vụ xã hội cơ bản. + Câu hỏi trọng tâm: Hỗ trợ kịp thời và dịch vụ xã hội cơ bản giúp giảm khó khăn, chênh lệch, tạo cơ hội ra sao? + Sản phẩm: Lập bảng trợ giúp thường xuyên - trợ giúp đột xuất - dịch vụ xã hội cơ bản; phân tích tác động trực tiếp và lâu dài. - Nhóm 4 - Quyền an sinh xã hội, tri ân và kiểm chứng AI + Học liệu: Ngữ liệu về quyền an sinh xã hội; tri ân người có công; câu trả lời do AI tạo ra. Chiến dịch 500 ngày đêm” được triển khai nhằm đẩy mạnh tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin. Chiến dịch đặt mục tiêu tìm kiếm, quy tập khoảng 7.000 hài cốt liệt sĩ; lấy mẫu khoảng 230.000 mộ liệt sĩ chưa xác định danh tính và giám định ADN khoảng 18.000 mẫu hài cốt. Hoạt động này thể hiện trách nhiệm của Nhà nước, lực lượng chức năng và cộng đồng trong công tác tri ân người có công. Câu hỏi khai thác 1. Chiến dịch đáp ứng nguyện vọng chính đáng nào của thân nhân liệt sĩ? 2. Những chủ thể nào có trách nhiệm tham gia thực hiện chiến dịch? 3. Chiến dịch đem lại sự hỗ trợ trực tiếp nào cho thân nhân liệt sĩ? 4. Hoạt động này có thể tác động lâu dài đến	

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
cộng đồng và xã hội như thế nào? 5. Vì sao chiến dịch có thể góp phần củng cố niềm tin của nhân dân? 6. Các con số 7.000, 230.000 và 18.000 là mục tiêu hay kết quả đã hoàn thành? 7. Có nên coi chiến dịch này là một chính sách an sinh xã hội mới hay một ngữ liệu minh họa cho trách nhiệm tri ân người có công? Gợi ý kết luận Chiến dịch thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, trách nhiệm của Nhà nước và cộng đồng trong việc chăm lo, tri ân người có công và đáp ứng nguyện vọng chính đáng của thân nhân liệt sĩ. Về lâu dài, hoạt động góp phần giáo dục truyền thống, tăng cường đoàn kết, củng cố niềm tin của nhân dân. Tuy nhiên, không coi đây là một trụ cột mới của hệ thống an sinh xã hội. + Câu hỏi trọng tâm: An sinh xã hội góp phần bảo đảm những quyền nào? Câu trả lời AI đúng ở đâu, thiếu ở đâu và cần sửa như thế nào? + Sản phẩm: Sửa lại câu trả lời AI theo khung Đúng - Thiếu - Sửa; nêu rõ tri ân người có công là ngữ liệu mở rộng, không phải trụ cột mới của hệ thống an sinh xã hội. Yêu cầu chung đối với các nhóm: hoàn thành Phiếu học tập số 2; ghi rõ nguồn, thời điểm, phạm vi, đơn vị và giới hạn của dữ liệu; phân biệt tác động trực tiếp với tác động lâu dài; chuẩn bị báo cáo trong 60-75 giây. Nhóm nghe hoàn thành bảng tổng hợp và đặt một câu hỏi kiểm chứng. Sau khi Mỗi nhóm hoàn thành bảng: dữ kiện - nhận xét - người thụ hưởng - tác động trực tiếp - tác động lâu dài. Gv tổng kết bằng câu hỏi củng cố sau Câu hỏi 1. Các thông tin cho thấy chính sách an sinh xã hội tác động trực tiếp như thế nào đến người thụ hưởng? Trả lời: Hỗ trợ tìm việc và thu nhập; bù đắp hoặc	

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
giảm gánh nặng rủi ro; trợ giúp người gặp khó khăn; góp phần ổn định cuộc sống. 2. Vì sao hỗ trợ việc làm không chỉ có ý nghĩa với một người lao động? Trả lời: Giúp tăng thu nhập, giảm thất nghiệp, duy trì sức mua, ổn định gia đình và thị trường lao động. 3. Chính sách bảo hiểm thể hiện nguyên tắc chia sẻ rủi ro như thế nào? Trả lời: Nguồn quỹ/nguồn lực được hình thành và sử dụng theo quy định để hỗ trợ người tham gia khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, nhờ đó giảm gánh nặng tài chính đột ngột. 4. Trợ giúp xã hội có vai trò gì khi thiên tai, dịch bệnh hoặc biến cố bất ngờ xảy ra? Trả lời: Hỗ trợ kịp thời nhu cầu thiết yếu, ngăn người dân rơi sâu hơn vào khó khăn, góp phần ổn định cộng đồng. 5. An sinh xã hội có vai trò gì đối với phát triển kinh tế - xã hội? Trả lời: Giảm nghèo, hạn chế bất bình đẳng, phân phối lại nguồn lực, củng cố đoàn kết và niềm tin xã hội, tạo môi trường ổn định cho tăng trưởng bền vững. 6. Ngữ liệu thời sự 2026 Tư liệu về Chiến dịch 500 ngày đêm thể hiện giá trị nào? Trả lời: Trách nhiệm của Nhà nước và cộng đồng, đạo lý uống nước nhớ nguồn, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của thân nhân liệt sĩ và củng cố niềm tin xã hội. 7. Thuốc lá làm tăng gánh nặng an sinh theo chuỗi nào? Trả lời: Sử dụng thuốc lá -> tăng nguy cơ bệnh tật -> tăng chi phí khám chữa bệnh và thời gian nghỉ việc	

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
-> giảm thu nhập gia đình -> tăng nhu cầu hỗ trợ và áp lực lên nguồn lực y tế, an sinh. Việc làm phù hợp: không sử dụng, khuyên người thân cai thuốc, không quảng bá thuốc lá điện tử. 8. Câu trả lời AI “An sinh xã hội chỉ cứu trợ sau khi rủi ro xảy ra” sai ở đâu? Trả lời: Phiến diện; an sinh xã hội có cả chức năng phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro. TÍCH HỢP- Phòng, chống tác hại thuốc lá: phòng ngừa hành vi gây rủi ro sức khỏe góp phần giảm chi phí y tế, bảo vệ thu nhập gia đình và nguồn lực an sinh. - Quyền con người: được bảo đảm an sinh xã hội là quyền và nhu cầu chính đáng. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Học sinh làm việc nhóm 8 phút, Giáo viên yêu cầu mỗi nhận xét phải chỉ ra căn cứ và không suy rộng quá phạm vi dữ liệu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Mỗi nhóm trình bày 2 phút. Nhóm khác đặt một câu hỏi kiểm chứng: nguồn nào, thời điểm nào, dữ liệu chứng minh kết luận nào? Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chuẩn hóa vai trò của an sinh xã hội theo SGK;	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Phần A. Bài tập SGK/bài tập bám yêu cầu cần đạt

a) Mục tiêu hoạt động: Củng cố khả năng giải thích sự cần thiết và phân tích vai trò của an sinh xã hội bằng căn cứ SGK.

b) Nội dung hoạt động: Học sinh khai thác SGK và thực hiện các bài tập sau:

1. Qua thông tin, số liệu trong SGK, hãy nhận xét kết quả thực hiện các chính sách an sinh xã hội của Việt Nam.
2. Theo em, chính sách an sinh xã hội có vai trò như thế nào đối với người thụ hưởng và sự phát triển kinh tế - xã hội? Liên hệ Chiến dịch 500 ngày đêm.

c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời có căn cứ, sử dụng đúng thuật ngữ và bám sát yêu cầu cần đạt.

d) Tổ chức thực hiện: Phương pháp luyện tập theo trường hợp; kĩ thuật “Lập luận 3 bước: Kết luận - Căn cứ - Ý nghĩa”.

- **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập, yêu cầu học sinh đọc kĩ dữ kiện, xác định từ khóa và làm việc cá nhân.

- **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh hoàn thành câu trả lời trong vở/phiếu, sau đó trao đổi cặp đôi để kiểm tra và bổ sung căn cứ.

- **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận: Một số cặp trình bày; học sinh khác nhận xét theo tiêu chí đúng kiến thức, có căn cứ, dùng thuật ngữ chính xác.

- **Bước 4:** Kết luận, nhận định: Giáo viên chốt nội dung, sửa lỗi diễn đạt và nhấn mạnh vai trò của an sinh xã hội đối với người thụ hưởng và phát triển kinh tế - xã hội; mọi số liệu phải ghi rõ thời điểm, nguồn và phạm vi.

Đáp án/gợi ý đáp án Phần A:

Câu 1. Các số liệu SGK cho thấy việc triển khai đồng bộ các chính sách đã đạt kết quả tích cực: số lao động có việc làm tăng và tỉ lệ thất nghiệp giảm; số người tham gia BHXH, BHYT, BHTN tăng; nguồn lực trợ giúp xã hội lớn, trong đó có chăm lo người có công và thân nhân; các chỉ tiêu giáo dục, y tế, nước sạch, điện, nhà ở và thông tin được cải thiện. Kết quả góp phần ổn định đời sống và phát triển đất nước. Khi sử dụng phải ghi rõ đây là số liệu năm 2021 - 2022, không coi là số liệu hiện hành của mọi thời điểm.

Câu 2a - Đối với người thụ hưởng: Được hỗ trợ việc làm và thu nhập; được phòng ngừa, giảm thiểu, khắc phục rủi ro; được bảo đảm mức sống tối thiểu và tiếp cận dịch vụ cơ bản; người có công, thân nhân liệt sĩ được tri ân, chăm lo và đáp ứng nguyện vọng chính đáng.

Câu 2b - Đối với phát triển kinh tế - xã hội: An sinh xã hội là tiêu chí tiên bộ và công cụ quản lí của Nhà nước; góp phần phân phối lại nguồn lực, giảm nghèo, giảm bất bình đẳng, thu hẹp chênh lệch vùng, phát huy đoàn kết và củng cố niềm tin; tạo ổn định để thu hút đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững. Chiến dịch 500 ngày đêm là ngữ liệu thể hiện trách nhiệm tri ân, gắn kết cộng đồng và vai trò của Nhà nước trong chăm lo người có công.

Phần B. Luyện tập trắc nghiệm

a) **Mục tiêu hoạt động:** Củng cố kiến thức ở mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng; rèn kĩ năng đọc dữ kiện, xác định bản chất vấn đề theo định hướng đề tốt nghiệp THPT năm 2026.

b) **Nội dung hoạt động:** Học sinh trả lời 06 câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

c) **Sản phẩm học tập:** Bảng đáp án 06 câu hỏi trắc nghiệm và lời giải thích ngắn cho các câu có tính phân hóa.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên phát hoặc trình chiếu 06 câu hỏi; học sinh làm cá nhân, chọn một phương án đúng nhất.

Phần B. Luyện tập trắc nghiệm

Câu 1. Nội dung nào sau đây thể hiện trực tiếp vai trò của an sinh xã hội đối với người thụ hưởng?

A. Tăng mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp.

B. Hỗ trợ ổn định thu nhập, giảm thiểu rủi ro và tiếp cận dịch vụ cơ bản.

C. Làm giảm hoàn toàn nghĩa vụ tự bảo vệ của cá nhân.

D. Thay thế mọi nguồn lực của gia đình và cộng đồng.

Câu 2. An sinh xã hội góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu vì

A. làm mọi người có mức thu nhập bằng nhau.

B. xóa bỏ hoàn toàn các rủi ro trong xã hội.

C. góp phần giảm nghèo, hạn chế bất bình đẳng, củng cố ổn định và tạo điều kiện cho phát triển bền vững.

D. chỉ làm tăng chi ngân sách nhà nước.

Đọc thông tin và trả lời câu 3, 4: Năm 2026, Chính phủ triển khai Chiến dịch 500 ngày đêm đẩy mạnh tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ; các kết quả được công bố theo từng thời điểm trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ.

Câu 3. Chiến dịch trên thể hiện rõ nhất vai trò nào sau đây của chính sách xã hội?

A. Tăng lợi nhuận của doanh nghiệp bảo hiểm.

B. Tri ân người có công, đáp ứng nguyện vọng thân nhân liệt sĩ và củng cố đoàn kết, niềm tin xã hội.

C. Thay thế trách nhiệm của gia đình liệt sĩ.

D. Giảm số lượng chính sách an sinh xã hội.

Câu 4. Một địa phương triển khai chính sách hỗ trợ nhưng thủ tục phức tạp, người dân vùng xa khó tiếp cận. Hạn chế này cho thấy chính sách chưa phát huy tốt vai trò nào?

A. Hỗ trợ người thụ hưởng tiếp cận chính sách kịp thời và công bằng.

B. Tăng số lượng cơ quan quản lý.

C. Thay đổi tên gọi của chính sách.

D. Mở rộng số nhóm chính sách.

Câu 5. Để đánh giá một chính sách an sinh xã hội có thực sự phát huy vai trò, cần ưu tiên xem xét nội dung nào sau đây?

A. Chính sách có đến đúng đối tượng, kịp thời và giúp người thụ hưởng ổn định cuộc sống hay không.

B. Số lượng khẩu hiệu và hội nghị tuyên truyền.

C. Số tên gọi khác nhau của chính sách.

D. Số cơ quan cùng tham gia quản lý.

- **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh hoàn thành câu hỏi trong 5 - 6 phút, gạch chân từ khóa làm căn cứ lựa chọn.

- **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận: Giáo viên tổ chức chữa nhanh bằng thẻ A/B/C/D hoặc bảng con; yêu cầu học sinh giải thích các câu dễ nhầm.

- **Bước 4:** Kết luận, nhận định: Giáo viên chốt đáp án: 1B, 2C, 3B, 4B, 5A, 6A; nhận xét mức độ nắm kiến thức và nhấn mạnh các điểm dễ nhầm.

Đáp án và giải thích Phần B:

Câu 1 - B. Ổn định thu nhập, giảm thiểu rủi ro và tiếp cận dịch vụ cơ bản là tác động trực tiếp đối với người thụ hưởng.

Câu 2 - C. Giảm nghèo, hạn chế bất bình đẳng, củng cố ổn định và tạo điều kiện phát triển bền vững là vai trò đối với kinh tế - xã hội.

Câu 3 - B. Chiến dịch thể hiện tri ân người có công, đáp ứng nguyện vọng thân nhân liệt sĩ, củng cố đoàn kết và niềm tin xã hội.

Câu 4 - A. Thủ tục phức tạp và người dân vùng xa khó tiếp cận cho thấy chính sách chưa bảo đảm khả năng tiếp cận kịp thời, công bằng của người thụ hưởng.

Câu 5 - A. Muốn đánh giá vai trò thực tế của chính sách phải xem chính sách có đến đúng đối tượng, kịp thời và giúp người thụ hưởng ổn định cuộc sống hay không; không căn cứ vào khẩu hiệu hoặc số lượng cơ quan quản lí.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu hoạt động: Vận dụng kiến thức để giải thích tác động của một chính sách đối với người thụ hưởng và xã hội.

- Mã chỉ báo năng lực số: 1.2.NC1a; 2.2.NC1a.

b) Nội dung hoạt động: Phương pháp nghiên cứu trường hợp; kĩ thuật “Vấn đề - Chính sách - Tác động trước mắt - Tác động lâu dài”. Học sinh chọn một trường hợp từ SGK hoặc nguồn chính thống gần đây.

Nhiệm vụ cụ thể: Viết đoạn 120 - 150 từ hoặc thu âm không quá 1 phút trả lời: “Một chính sách an sinh xã hội ở địa phương/cộng đồng đã hoặc có thể giúp giải quyết vấn đề gì? Tác động trước mắt và lâu dài là gì?”.

c) **Sản phẩm học tập:** Đoạn viết/bản ghi âm có cấu trúc: vấn đề - chính sách - tác động - thông điệp; có ghi nguồn khi dùng số liệu.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên nêu yêu cầu, minh họa cấu trúc bốn phần và tiêu chí ghi nguồn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thực hiện cá nhân ngoài giờ; phương án số là soạn văn bản hoặc ghi âm, phương án không dùng điện thoại là viết trên giấy.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đầu tiết 3, hai sản phẩm được chia sẻ; học sinh xác định lập luận thể hiện cả tác động trước mắt và lâu dài.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên công bố gợi ý sản phẩm đạt: gọi đúng chính sách, giải thích được ít nhất một tác động trực tiếp và một tác động lâu dài, có nguồn và không suy diễn quá dữ kiện.

TIẾT 3: TRÁCH NHIỆM CÔNG DÂN VỀ AN SINH XÃ HỘI

Phương pháp, kĩ thuật chủ đạo: Dạy học giải quyết vấn đề; đóng vai; phân tích tình huống pháp luật; kĩ thuật Thẻ Đỏ/Thẻ Xanh, “Nhận diện - Căn cứ - Hành động” và Bốn góc.

HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) **Mục tiêu hoạt động:** Giúp học sinh nhận biết hành vi gian lận, trục lợi chính sách là sai và xác định trách nhiệm cần tìm hiểu.

b) Nội dung hoạt động: Giáo viên chiếu 45 - 60 giây video [“Bảo hiểm y tế - lá chắn cho sức khỏe mỗi gia đình”](#) (BHXH Việt Nam, 06/7/2026), sau đó đưa tình huống: một bạn muốn kêu gọi giúp người bệnh nên đăng công khai ảnh thẻ BHYT, giấy tờ tùy thân và dùng AI viết nội dung. Học sinh đánh giá việc làm đúng/sai và nêu cách thay thế.

c) **Sản phẩm học tập:** Thẻ Đỏ/Thẻ Xanh và câu giải thích nêu được ít nhất một đối tượng hoặc quyền lợi bị ảnh hưởng.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (phương pháp trực quan, kĩ thuật Thẻ Đỏ/Thẻ Xanh): Giáo viên chiếu video và tình huống; yêu cầu học sinh chọn thẻ, ghi một quyền cần bảo vệ và một trách nhiệm cần thực hiện.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh suy nghĩ cá nhân, trao đổi cặp đôi; giáo viên nhắc không đọc hoặc chụp lại dữ liệu thật.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Trả lời trả lời: mục đích hỗ trợ là tích cực nhưng công khai giấy tờ và nhập dữ liệu cá nhân vào AI là không phù hợp; cần che thông tin định danh, xin phép, dùng nguồn chính thống và chỉ chia sẻ thông tin cần thiết.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên dẫn vào trách nhiệm công dân: hiểu đúng quyền, thực hiện trung thực, không trục lợi và truyền thông có trách nhiệm.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

NỘI DUNG 3: TÌM HIỂU TRÁCH NHIỆM CÔNG DÂN VỀ AN SINH XÃ HỘI

a) Mục tiêu: Học sinh xác định và thực hiện được trách nhiệm của công dân về an sinh xã hội bằng những việc làm cụ thể, phù hợp; biết nhận xét, phê phán hành vi gian lận, trục lợi và lựa chọn cách phản ánh sai phạm có căn cứ, đúng quy định.

- Mã năng lực số: 1.2.NC1a; 3.1.NC1a.
- Tích hợp AI: NLC - kiểm chứng thông tin pháp luật do AI cung cấp; nhận diện rủi ro đạo đức và bảo mật dữ liệu.
- Tích hợp PCTN, đạo đức liêm chính: Không chiếm dụng, giả mạo hồ sơ, bao che; biết phản ánh sai phạm có căn cứ, đúng quy định.

b) Nội dung: Học sinh nghiên cứu Hộp cập nhật pháp luật và xử lý bốn tình huống theo quy trình Nhận diện - Căn cứ - Hành động; đóng vai tổ tư vấn công dân.

- Tình huống A: người lao động phát hiện thông tin đóng BHXH của mình không đầy đủ nhưng ngại hỏi vì sợ ảnh hưởng quan hệ lao động.
- Tình huống B: một người cung cấp giấy tờ sai sự thật để được hưởng chế độ.
- Tình huống C: học sinh chia sẻ công khai ảnh giấy tờ và mã số cá nhân của người cần hỗ trợ để kêu gọi trên mạng.
- Tình huống D: người có trách nhiệm cố ý thêm người thân không đủ điều kiện vào danh sách hưởng hỗ trợ.

c) Sản phẩm: Bảng xử lý 4 tình huống; danh sách việc nên làm/không nên làm; bản sửa câu trả lời AI và lời tư vấn ngắn của nhóm.

Tiêu chí đánh giá: Nhận diện đúng; căn cứ phù hợp; giải pháp hợp pháp, khả thi, tôn trọng quyền và dữ liệu cá nhân; lập luận trung thực.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Phương pháp và kỹ thuật - Phương pháp: Dạy học giải quyết vấn đề kết hợp đóng vai “Tổ tư vấn công dân”. - Học liệu: Trang cập nhật 28, 38 và 93; video BHYT tháng 7/2026; bốn tình huống thực tế do giáo viên chuẩn bị.	Yêu cầu cần đạt Thực hiện được trách nhiệm của công dân về an sinh xã hội bằng những việc làm cụ thể và phù hợp.
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ	

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Giáo viên chia lớp thành bốn “tổ tư vấn”, mỗi tổ xử lý một tình huống: A. Người lao động phát hiện thông tin đóng BHXH chưa đầy đủ. B. Một người sửa giấy tờ để được hưởng thêm chế độ. C. Học sinh đăng công khai giấy tờ, mã số cá nhân của người cần hỗ trợ. D. Người có trách nhiệm cố ý thêm người thân không đủ điều kiện vào danh sách hỗ trợ. Nhóm hoàn thành ba cột: Nhận diện - Căn cứ/nguyên tắc - Hành động. Câu hỏi khai thác và trả lời trả lời 1. Công dân có trách nhiệm chung nào khi thực hiện chính sách an sinh xã hội? Trả lời: Chủ động tìm hiểu; thực hiện đúng quy định và thủ tục; kê khai trung thực; không gian lận, trục lợi; tôn trọng, hỗ trợ người thụ hưởng; phản ánh sai phạm đúng cơ quan. 2. Điểm mới của khái niệm BHXH năm 2024 là gì? Trả lời: Dùng “người tham gia BHXH”; bổ sung “khi nghỉ hưu”; nguồn bảo đảm gồm đóng vào quỹ BHXH hoặc do ngân sách nhà nước bảo đảm. 3. BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện khác nhau ở điểm nào? Trả lời: BHXH bắt buộc áp dụng với người lao động, người sử dụng lao động thuộc đối tượng phải tham gia; BHXH tự nguyện do công dân Việt Nam tự nguyện tham gia và được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp thu nhập. Cả hai đều do Nhà nước tổ chức. 4. Tình huống A nên xử lý thế nào?	1. Trách nhiệm của công dân về an sinh xã hội - Chủ động tìm hiểu chính sách và thông tin từ nguồn chính thống. - Thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ, thủ tục và điều kiện theo quy định. - Kê khai chính xác, trung thực, đầy đủ; không làm giả hồ sơ, không gian lận, trục lợi hoặc tiếp tay cho hành vi sai phạm. - Tôn trọng người thụ hưởng; không kì thị, không xâm phạm danh dự, quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân. - Tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, tri ân người có công phù hợp với khả năng và lứa tuổi. - Phản ánh, khiếu nại, tố cáo sai phạm có căn cứ, đúng cơ quan và đúng quy định. 3. Quyền và trách nhiệm cần nhấn mạnh - Người tham gia có quyền hưởng chế độ, được cấp sổ, được cung cấp/xác nhận thông tin và thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện theo quy định. - Người tham gia có trách nhiệm đóng, theo dõi thông

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
Trả lời: Kiểm tra thông tin, yêu cầu cung cấp/xác nhận, đề nghị chủ thể có trách nhiệm khắc phục; khi cần thực hiện quyền khiếu nại, phản ánh theo quy định; không im lặng hoặc đăng tin chưa kiểm chứng. 5. Tình huống B vi phạm nguyên tắc nào? Trả lời: Vi phạm trung thực, có dấu hiệu gian lận/giả mạo hồ sơ, xâm hại quỹ và quyền lợi của người đủ điều kiện; phải chấm dứt và hoàn trả khoản hưởng sai theo quy định. 6. Tình huống C cần thay đổi ra sao? Trả lời: Che hoặc loại bỏ dữ liệu định danh; xin phép trước khi dùng hình ảnh; chỉ chia sẻ thông tin cần thiết; không nhập hồ sơ sức khỏe, số định danh hoặc dữ liệu nhạy cảm vào AI công cộng. 7. Tình huống D có thể chỉ là gian lận hay còn có dấu hiệu tham nhũng? Trả lời: Nếu người có chức vụ, quyền hạn lợi dụng nhiệm vụ để đưa người thân không đủ điều kiện vào danh sách vì vụ lợi thì có dấu hiệu tham nhũng; cần lưu giữ căn cứ và phản ánh/tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền, không tự ý quy kết trên mạng. 8. Câu trả lời AI “Mục đích tốt nên có thể khai sai một ít” đúng hay sai? Trả lời: Sai. Mục đích hỗ trợ không hợp pháp hóa hành vi gian dối; nguồn lực an sinh phải đúng đối tượng, công bằng và minh bạch. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ Nhóm đọc Hộp cập nhật, phân vai người tư vấn - công dân - người phản biện - thư kí; chuẩn bị ý kiến	tin và kê khai chính xác, trung thực, đầy đủ. - Người thụ hưởng thực hiện đúng trình tự, thủ tục; hoàn trả khoản hưởng không đúng theo quy định. 4. Một số hành vi không được thực hiện - Chậm đóng, trốn đóng hoặc chiếm dụng tiền đóng, tiền hưởng. - Cản trở quyền lợi của người tham gia, người thụ hưởng. - Gian lận, giả mạo hồ sơ, thông đồng hoặc bao che để hưởng sai. - Sử dụng quỹ, khai thác hoặc công khai dữ liệu trái pháp luật. 5. Liêm chính, phòng chống tham nhũng và AI - Gian lận, trục lợi của cá nhân không tự động là tham nhũng. - Hành vi có dấu hiệu tham nhũng khi người có chức vụ, quyền hạn lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì vụ lợi. - Khi dùng AI: không nhập dữ liệu cá nhân nhạy cảm; kiểm chứng kết quả với SGK, văn bản cập nhật và nguồn chính thống; chịu trách nhiệm với nội dung sử dụng.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung kiến thức cần đạt
trong 8 phút. Giáo viên hỗ trợ nhóm yếu bằng thẻ từ khóa “quyền - trách nhiệm - hành vi cấm - dữ liệu cá nhân”. Bước 3. Báo cáo, thảo luận Mỗi tổ đóng vai tư vấn 2 phút. Nhóm khác dùng kỹ thuật Bốn góc: đồng ý, không đồng ý, cần bổ sung căn cứ, cần đổi giải pháp. Bước 4. Kết luận, nhận định Giáo viên chuẩn hóa trách nhiệm công dân, nội dung cập nhật BHXH năm 2024 và cách ứng xử; phân biệt gian lận của cá nhân với hành vi tham nhũng có yếu tố chức vụ, quyền hạn; nhấn mạnh bảo vệ dữ liệu cá nhân và kiểm chứng AI.	

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

Phần A. Bài tập bám yêu cầu cần đạt và nội dung cập nhật pháp luật

a) Mục tiêu hoạt động: Củng cố trách nhiệm công dân, khả năng đánh giá hành vi và lựa chọn cách ứng xử liêm chính, đúng quy định.

b) **Nội dung hoạt động:** Học sinh khai thác YCCĐ, hộp cập nhật pháp luật và thực hiện các bài tập sau:

1. Nêu và lựa chọn một việc làm cụ thể, phù hợp với học sinh để thực hiện trách nhiệm của công dân về an sinh xã hội.

2. Xử lý tình huống: Một bạn muốn sử dụng AI để viết bài kêu gọi hỗ trợ thân nhân liệt sĩ và dự định nhập hồ sơ cá nhân vào công cụ AI. Em hãy nhận xét và đề xuất cách thực hiện phù hợp.

c) **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời có căn cứ, sử dụng đúng thuật ngữ và bám sát yêu cầu cần đạt.

d) Tổ chức thực hiện: Phương pháp luyện tập tình huống; kỹ thuật Think - Pair - Share và Bốn góc.

- **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập, yêu cầu học sinh đọc kỹ dữ kiện, xác định từ khóa và làm việc cá nhân.

- **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh hoàn thành câu trả lời trong vở/phiếu, sau đó trao đổi cặp đôi để kiểm tra và bổ sung căn cứ.

- **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận: Một số cặp trình bày; học sinh khác nhận xét theo tiêu chí đúng kiến thức, có căn cứ, dùng thuật ngữ chính xác.

- **Bước 4:** Kết luận, nhận định: Giáo viên chốt nội dung, sửa lỗi diễn đạt và nhấn mạnh công dân phải chủ động tìm hiểu, kê khai trung thực, thực hiện đúng thủ tục, bảo vệ dữ liệu và phản ánh sai phạm đúng quy định.

Đáp án/gợi ý đáp án Phần A:

Bài 1. Học sinh có thể: chủ động tìm hiểu chính sách từ SGK, cơ quan BHXH và nguồn chính thống; nhắc người thân tham gia, đóng và kê khai đúng quy định khi thuộc đối tượng; kiểm tra thông tin đóng, hưởng; thực hiện đúng thủ tục; không gian lận, cho mượn giấy tờ hoặc tiếp tay trục lợi; tôn trọng, hỗ trợ người thụ hưởng; phản ánh sai phạm có căn cứ đến cơ quan có thẩm quyền; bảo vệ dữ liệu cá nhân; tham gia hoạt động tri ân, hỗ trợ cộng đồng phù hợp.

Bài 2 - Nhận xét: Không được nhập hồ sơ, số định danh, thông tin sức khỏe, dữ liệu ADN hoặc dữ liệu cá nhân của thân nhân liệt sĩ vào công cụ AI khi chưa có căn cứ và sự cho phép phù hợp. Mục đích kêu gọi hỗ trợ hoặc tri ân không biện minh cho việc xâm phạm quyền riêng tư.

Bài 2 - Cách thực hiện phù hợp: Chỉ dùng thông tin đã được công bố hợp pháp; ẩn hoặc loại bỏ dữ liệu định danh; sử dụng AI ở mức gợi ý bố cục/ngôn ngữ; đối chiếu nội dung với SGK, Luật BHXH 2024 và nguồn chính thống; ghi chú có sử dụng AI; không để AI tự tạo số liệu, nguồn hoặc kết luận pháp lý; xin phép trước khi sử dụng hình ảnh, hồ sơ của người thật.

Phần B. Luyện tập trắc nghiệm

a) Mục tiêu hoạt động: củng cố kiến thức ở mức độ nhận biết, thông hiểu và vận dụng; rèn kỹ năng đọc dữ kiện, xác định bản chất vấn đề theo định hướng đề tốt nghiệp THPT năm 2026.

b) Nội dung hoạt động: Học sinh trả lời 06 câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.

c) Sản phẩm học tập: Bảng đáp án 06 câu hỏi trắc nghiệm và lời giải thích ngắn cho các câu có tính phân hóa.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1:** Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên phát hoặc trình chiếu 06 câu hỏi; học sinh làm cá nhân, chọn một phương án đúng nhất.

Phần B. Luyện tập trắc nghiệm

Câu 1. Theo quy định của pháp luật, nội dung nào sau đây thể hiện quyền của người tham gia bảo hiểm xã hội?

A. Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định.

B. Kê khai chính xác thông tin đăng ký.

C. Khiếu nại về bảo hiểm xã hội theo quy định.

D. Hoàn trả khoản tiền hưởng không đúng.

Câu 2. Nội dung nào sau đây là trách nhiệm của người tham gia bảo hiểm xã hội?

A. Kê khai chính xác, trung thực, đầy đủ thông tin.

B. Từ chối cung cấp mọi thông tin cho cơ quan có thẩm quyền.

C. Cho người khác sử dụng sổ bảo hiểm xã hội của mình.

D. Công khai dữ liệu sức khỏe của người thụ hưởng.

Đọc tình huống và trả lời câu 3, 4: Anh H phát hiện thông tin đóng bảo hiểm xã hội của mình bị thiếu. Một người quen khuyên anh không nên hỏi lại vì sợ ảnh hưởng quan hệ lao động; người khác đề nghị sửa giấy tờ để anh được hưởng thêm chế độ.

Câu 3. Việc làm nào sau đây phù hợp nhất với anh H?

A. Im lặng để giữ quan hệ lao động.

B. Yêu cầu cung cấp, xác nhận thông tin và thực hiện quyền khiếu nại hoặc phản ánh theo quy định nếu cần.

C. Đăng thông tin chưa kiểm chứng về doanh nghiệp lên mạng.

D. Nhờ người quen sửa hồ sơ để tăng quyền lợi.

Câu 4. Đề nghị sửa giấy tờ để hưởng thêm chế độ là hành vi

A. thực hiện quyền tự do cá nhân.

B. hỗ trợ người lao động khắc phục khó khăn.

C. gian lận, giả mạo hồ sơ và xâm hại nguồn lực an sinh xã hội.

D. thực hiện đúng trách nhiệm của người thụ hưởng.

Câu 5. Phát hiện người có trách nhiệm cố ý thêm người thân không đủ điều kiện vào danh sách hưởng hỗ trợ, công dân nên làm gì?

A. Tự ý công khai tên, địa chỉ và kết luận người đó tham nhũng.

B. Lưu giữ thông tin có căn cứ và phản ánh, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

C. Bỏ qua vì nguồn hỗ trợ là tiền Nhà nước.

D. Chia sẻ thông tin cho nhiều người để gây sức ép trước khi xác minh.

- **Bước 2:** Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh hoàn thành câu hỏi trong 5 - 6 phút, gạch chân từ khóa làm căn cứ lựa chọn.

- **Bước 3:** Báo cáo, thảo luận: Giáo viên tổ chức chữa nhanh bằng thẻ A/B/C/D hoặc bảng con; yêu cầu học sinh giải thích các câu dễ nhầm.

- **Bước 4:** Kết luận, nhận định: Giáo viên chốt đáp án: 1C, 2A, 3B, 4C, 5B, 6B; nhận xét mức độ nắm kiến thức và nhấn mạnh các điểm dễ nhầm.

Đáp án và giải thích Phần B:

Câu 1 - C. Khiếu nại về BHXH là quyền của người tham gia. Đóng BHXH và kê khai chính xác là trách nhiệm; hoàn trả khoản hưởng sai là trách nhiệm của người thụ hưởng.

Câu 2 - A. Kê khai chính xác, trung thực, đầy đủ là trách nhiệm của người tham gia BHXH.

Câu 3 - B. Anh H có quyền yêu cầu cung cấp, xác nhận thông tin; nếu quyền lợi không được bảo đảm, có thể khiếu nại hoặc phản ánh theo quy định. Im lặng hoặc đăng thông tin chưa kiểm chứng đều không phù hợp.

Câu 4 - C. Sửa giấy tờ để hưởng thêm chế độ là gian lận, giả mạo hồ sơ, xâm hại quỹ và quyền của người đủ điều kiện.

Câu 5 - B. Công dân cần lưu giữ thông tin có căn cứ và phản ánh, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền. Không tự ý quy kết, công khai dữ liệu hoặc gây sức ép bằng thông tin chưa được xác minh.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu hoạt động: Chuyển hóa kiến thức thành một việc làm cụ thể, có minh chứng và phù hợp với học sinh.

- Mã chỉ báo năng lực số: 3.1.NC1a; 2.2.NC1a.

- Tích hợp AI: NLc - công khai việc sử dụng AI, kiểm chứng nội dung pháp luật, không nhập hoặc chia sẻ dữ liệu cá nhân.

b) Nội dung hoạt động: Phương pháp dự án nhỏ “Một việc làm vì an sinh xã hội” trong 7 ngày. Sản phẩm truyền thông phải gọi đúng 4 trụ cột, nêu việc nên làm/không nên làm và một lưu ý về dữ liệu số/AI.

c) Sản phẩm học tập: (1) Nhật kí/minh chứng ngắn về một việc đã thực hiện trong 7 ngày; (2) sản phẩm truyền thông cá nhân/cặp đôi có ghi nguồn, không sử dụng hình ảnh hoặc dữ liệu cá nhân khi chưa được phép, công khai mức độ sử dụng AI.

d) Tổ chức thực hiện: Giáo viên giao rubric; học sinh lập kế hoạch, thực hiện ngoài giờ, báo cáo và tự đánh giá.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên phát rubric, nêu yêu cầu nội dung và hai hình thức số/giấy.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh lập kế hoạch hành động gồm việc làm, thời gian, người phối hợp và minh chứng; hoàn thành ngoài giờ. AI chỉ được dùng để gợi ý bố cục/ngôn ngữ; nội dung phải được đối chiếu với SGK và nguồn chính thống.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Sản phẩm được trưng bày trong tiết sau hoặc trên không gian lớp học số; học sinh đánh giá chéo theo rubric.

Bước 4: Kết luận, nhận định: Gợi ý sản phẩm đạt gồm: hành động thực tế, minh chứng trung thực, giải thích được ý nghĩa, ghi nguồn và bảo vệ quyền riêng tư.

IV. NHẬN XÉT, RÚT KINH NGHIỆM SAU BÀI DẠY

Mức độ đạt yêu cầu cần đạt của học sinh:

.....

Hiệu quả của phương pháp, kĩ thuật dạy học:

.....

Mức độ tham gia của học sinh và sự phù hợp của nhiệm vụ:

.....

Hiệu quả tích hợp năng lực số, AI và phương án thay thế:

.....

Điều chỉnh cho lần dạy sau:

.....

=====

PHIẾU HỌC TẬP 3 TIẾT BÀI 4

V. PHỤ LỤC: HỆ THỐNG PHIẾU HỌC TẬP

1. DÀNH CHO TIẾT 1

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1: LƯỚI AN TOÀN 4 TRỤ CỘT

Nhóm: Lớp: Thời gian: 10 phút

Nội dung	Kết quả của nhóm
Khái niệm an sinh xã hội	
Chính sách hỗ trợ việc làm	Đối tượng/rủi ro: Cách hỗ trợ: Ví dụ:
Chính sách về bảo hiểm	Đối tượng/rủi ro: Cách hỗ trợ: Ví dụ:
Chính sách trợ giúp xã hội	Đối tượng/rủi ro: Cách hỗ trợ: Ví dụ:
Mối quan hệ giữa 4 trụ cột	Bốn trụ cột bổ sung cho nhau như thế nào?

Nội dung	Kết quả của nhóm
	
Kết luận của nhóm	Vì sao an sinh xã hội cần thiết?

Bản tóm tắt AI cần kiểm chứng: “An sinh xã hội là hoạt động từ thiện chỉ dành cho người nghèo và do doanh nghiệp tự nguyện tổ chức.”

Hai lỗi/điểm thiếu và cách sửa:

-
.....
-
.....

2. DÀNH CHO TIẾT 2

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: NHÀ PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH

Nhóm: Cụm dữ liệu: Nguồn/năm:

Nhiệm vụ	Kết quả
Dữ liệu/thông tin nổi bật	
Nhận xét có căn cứ	
Chính sách liên quan	
Tác động trực tiếp với người thụ hưởng	
Tác động lâu dài với kinh tế - xã hội	
Giới hạn của dữ liệu	Dữ liệu phản ánh thời điểm/phạm vi nào?

Câu trả lời AI cần đánh giá: “An sinh xã hội chỉ có vai trò cứu trợ sau khi rủi ro đã xảy ra.”

Phân đúng:

.....

Phân thiếu/sai:

.....

Cách sửa:

.....

NHÓM 1: HỖ TRỢ VIỆC LÀM

Phiên giao dịch việc làm trực tuyến quý I/2026 có 187 doanh nghiệp tham gia, đăng tuyển hơn 25.200 vị trí việc làm. Riêng tại Trung tâm Dịch vụ việc làm thành phố Cần Thơ, 83 doanh nghiệp đăng ký tuyển hơn 7.700 lao động. Người tham gia được tiếp cận thông tin tuyển dụng, phỏng vấn, tư vấn kỹ năng tìm việc và hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ.

Câu hỏi

1. Hoạt động trên thuộc chính sách an sinh xã hội nào?
2. Những đối tượng nào có thể được hưởng lợi?
3. Người lao động nhận được những hỗ trợ trực tiếp nào?
4. Việc kết nối thành công người lao động với doanh nghiệp có thể tạo ra tác động lâu dài nào?
5. Có thể dùng số lượng vị trí tuyển dụng để kết luận rằng hơn 25.200 người đã có việc làm hay không? Vì sao?
6. Vì sao chỉ nên kết luận hoạt động này “**góp phần**” giải quyết việc làm?

NHÓM 2: BẢO HIỂM VÀ PHÒNG NGỪA RỦI RO



NỘI DUNG

Học liệu: BHXH, BHYT, BHTN; tình huống người lao động hút thuốc kéo dài

Câu hỏi: Bảo hiểm chia sẻ rủi ro như thế nào?

Hoàn thành chuỗi tác hại thuốc lá → bệnh tật → chi phí y tế → giám thu nhập → gánh nặng an sinh

Đề xuất 1 việc làm phòng ngừa

BẢO HIỂM – CHIA SẼ RỦI RO, BẢO VỆ TƯƠNG LAI



BHTN

**HÚT
THUỐC
LÁ
KÉO DÀI**



HOẠT ĐỘNG

Nhóm 2 phân biệt rủi ro sức khỏe, thu nhập, việc làm.

BẢO HIỂM HÔM NAY – AN TÂM NGÀY MAI



NHÓM 4: TRI ÂN, KIỂM CHỨNG NGUỒN VÀ AI

Ngữ liệu về quyền an sinh xã hội; tri ân người có công; câu trả lời do AI tạo ra.

Chiến dịch 500 ngày đêm” được triển khai nhằm đẩy mạnh tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin. Chiến dịch đặt mục tiêu tìm kiếm, quy tập khoảng 7.000 hài cốt liệt sĩ; lấy mẫu khoảng 230.000 mộ liệt sĩ chưa xác định danh tính và giám định ADN khoảng 18.000 mẫu hài cốt. Hoạt động này thể hiện trách nhiệm của Nhà nước, lực lượng chức năng và cộng đồng trong công tác tri ân người có công.

Câu hỏi

1. Chiến dịch đáp ứng nguyện vọng chính đáng nào của thân nhân liệt sĩ?
2. Những chủ thể nào có trách nhiệm tham gia thực hiện chiến dịch?
3. Chiến dịch đem lại sự hỗ trợ trực tiếp nào cho thân nhân liệt sĩ?
4. Hoạt động này có thể tác động lâu dài đến cộng đồng và xã hội như thế nào?
5. Vì sao chiến dịch có thể góp phần củng cố niềm tin của nhân dân?
6. Các con số 7.000, 230.000 và 18.000 là mục tiêu hay kết quả đã hoàn thành?
7. Có nên coi chiến dịch này là một chính sách an sinh xã hội mới hay một ngữ liệu minh họa cho trách nhiệm tri ân người có công?

NHÓM 4: TRI ÂN, KIỂM CHỨNG NGUỒN VÀ AI



01 Học liệu: Chiến dịch 500 ngày đêm và câu trả lời AI.



02 Câu hỏi: Chiến dịch thể hiện giá trị nào với thân nhân liệt sĩ và cộng đồng?



03 Đánh giá câu AI:
“ASXH chỉ cứu trợ sau khi rủi ro xảy ra.”



04 Thực hiện: nguồn – thời điểm - phạm vi - giới hạn.



Nhóm 4 trình bày theo khung: đúng ở đâu, thiếu ở đâu, sửa thế nào.

3. DÀNH CHO TIẾT 3

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3: CÔNG DÂN VỚI AN SINH XÃ HỘI

Tình huống	Nhận diện hành vi/quyền lợi	Căn cứ/nguyên tắc liên quan	Cách ứng xử phù hợp
A. Thông tin đóng BHXH không đầy đủ			

Tình huống	Nhận diện hành vi/quyền lợi	Căn cứ/nguyên tắc liên quan	Cách ứng xử phù hợp
B. Cung cấp giấy tờ sai sự thật			
C. Công khai giấy tờ cá nhân trên mạng			
D. Người có trách nhiệm thêm người thân không đủ điều kiện vào danh sách hỗ trợ			

5 việc công dân nên làm:

1.
2.
3.
4.
5.

.....

5 việc công dân không nên làm:

1.
2.
3.
4.
5.

4. HỘP CẬP NHẬT PHÁP LUẬT DÙNG TRONG BÀI

1. KHÁI NIỆM BHXH - KHOẢN 1 ĐIỀU 3 LUẬT BHXH NĂM 2024 BHXH là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người tham gia BHXH khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, khi nghỉ hưu hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ BHXH hoặc do ngân sách nhà nước bảo đảm.
2. BHXH BẮT BUỘC - KHOẢN 3 ĐIỀU 3 Là loại hình BHXH do Nhà nước tổ chức mà người lao động, người sử dụng lao động thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc phải tham gia.
3. BHXH TỰ NGUYỆN - KHOẢN 4 ĐIỀU 3 Là loại hình BHXH do Nhà nước tổ chức mà công dân Việt Nam tự nguyện tham gia và được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình.
4. CÁC ĐIỂM CẦN NHỚ TỪ TRANG CẬP NHẬT - “Người lao động” được cập nhật thành “người tham gia BHXH”. - “Hết tuổi lao động” được cập nhật thành “khi nghỉ hưu”. - Bổ sung nguồn bảo đảm “do ngân sách nhà nước bảo đảm”. - BHXH bắt buộc phải dùng đủ cụm “thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc”. - Chủ thể ở dòng 20 trang 28 được cập nhật từ “các công ty bảo hiểm” thành “Nhà nước”. - Tình huống trang 38 cập nhật “Sở Lao động - Thương binh và Xã hội” thành “Sở Nội vụ”.
5. TRÁCH NHIỆM CÔNG DÂN Tìm hiểu đúng thông tin; kê khai trung thực; thực hiện đúng thủ tục; không gian lận, trục lợi; bảo vệ dữ liệu cá nhân; phản ánh sai phạm có căn cứ, đúng thẩm quyền.

5. PHIẾU KIỂM CHỨNG THÔNG TIN AI

Nội dung kiểm chứng	Kết quả
1. Câu hỏi đã đặt cho AI	
2. Ý chính AI trả lời	
3. Nguồn dùng để đối chiếu	SGK/trích luật/cổng thông tin chính thống:
4. Nội dung đúng	
5. Nội dung sai, thiếu hoặc lỗi thời	

Nội dung kiểm chứng	Kết quả
6. Cách sửa và kết luận	
7. Dữ liệu cá nhân đã được bảo vệ?	Có / Chưa. Biện pháp:
8. Ghi chú sử dụng AI	AI hỗ trợ ở khâu: ý tưởng / diễn đạt / bố cục / khác:

6. NGŨ LIỆU THỜI SỰ: CHIẾN DỊCH 500 NGÀY ĐÊM

- Tên đầy đủ: “Chiến dịch 500 ngày đêm đẩy mạnh thực hiện tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ”.

- Năm 2026, Chính phủ triển khai Chiến dịch 500 ngày đêm hướng tới kỉ niệm 80 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ.

- Kết quả chiến dịch được Chính phủ công bố theo từng thời điểm; khi sử dụng trong dạy học phải ghi rõ nguồn và ngày cập nhật, không dùng con số chưa kiểm chứng.

- Ý nghĩa giáo dục: tri ân người có công, đáp ứng nguyện vọng thân nhân liệt sĩ, củng cố niềm tin và trách nhiệm của Nhà nước, cộng đồng; giáo dục đạo lí uống nước nhớ nguồn.

- Lưu ý sư phạm: ngữ liệu có thời điểm; khi sử dụng phải ghi nguồn, ngày cập nhật; không công khai hồ sơ, dữ liệu ADN hoặc thông tin định danh khi chưa được phép.

Nguồn ngữ liệu: Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, chuyên đề “Chiến dịch 500 ngày đêm tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ”, các bài cập nhật tháng 7/2026.

7. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân/Giáo dục Kinh tế và Pháp luật (2018).

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH và phụ lục hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy.

3. SGK Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, Bài 4: An sinh xã hội.

4. Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

5. Luật số 51/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

6. Tài liệu hướng dẫn tích hợp giáo dục quyền con người; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; năng lực số và AI.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đề thi tốt nghiệp THPT năm 2026 môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, mã đề 1026 - tham khảo cách xây dựng câu hỏi nhiều phương án lựa chọn.

8. Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, chuyên đề Chiến dịch 500 ngày đêm tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ.

12. DANH MỤC TƯ LIỆU HÌNH ẢNH/VIDEO GỢI Ý

- [Video “Bảo hiểm xã hội - điểm tựa an sinh trọn đời” - BHXH Việt Nam, 08/5/2026](#)
- [Tin/ảnh “Tổ chức Hội chợ việc làm tại Sàn giao dịch việc làm thành phố Cần Thơ” - Trung tâm Lao động ngoài nước, 2026](#)
- [Video “Bảo hiểm y tế - lá chắn cho sức khỏe mỗi gia đình” - BHXH Việt Nam, 06/7/2026](#)

- [Infographic kết quả Chiến dịch 500 ngày đêm - Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, 08/7/2026](#)

Lưu ý sử dụng: Giáo viên chỉ trích đoạn ngắn, nêu rõ nguồn và ngày công bố; chuẩn bị ảnh chụp/bản in thay thế khi lớp không có Internet; không để tư liệu thời sự lấn át kiến thức SGK.

8. ĐƯỜNG LINK GỢI Ý ĐỂ GIÁO VIÊN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VÀ HỌC SINH TỰ HỌC

Nguyên tắc sử dụng: Giáo viên mở trước, chọn đoạn/hình phù hợp, kiểm tra thời điểm và nội dung; học sinh đọc/xem theo câu hỏi định hướng, không sao chép nguyên văn và phải ghi nguồn.

Tiết/Trụ cột	Đường link chính thống	Gợi ý GV tổ chức hoạt động	Nhiệm vụ học sinh
Tiết 1 - Khởi động/Khái niệm	Video: Bảo hiểm xã hội - điểm tựa an sinh trọn đời	Chiều 45-60 giây; dùng kĩ thuật 3-2-1 để nhận diện rủi ro và nhu cầu hỗ trợ.	Ghi 3 rủi ro, 2 nhu cầu hỗ trợ, 1 câu hỏi; liên hệ khái niệm an sinh xã hội.
Tiết 1 - Trụ cột hỗ trợ việc làm	Hội chợ việc làm tại Sàn giao dịch việc làm TP Cần Thơ	Cho HS quan sát ảnh, đọc mục đích/đối tượng; tổ chức Think-Pair-Share.	Xác định cơ quan tổ chức, đối tượng, cách hỗ trợ và ý nghĩa đối với người lao động.
Tiết 1 - Trụ cột trợ giúp xã hội	Chuyên mục Trợ cấp xã hội - Báo Điện tử Chính phủ	Chọn một tình huống trợ cấp/trợ giúp; giao nhóm phân biệt trợ giúp thường xuyên và đột xuất.	Tóm tắt đối tượng, điều kiện, cơ quan giải quyết và ý nghĩa; không suy diễn ngoài nguồn.
Tiết 1 - Trụ cột dịch vụ xã hội cơ bản	Chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030	Cho HS khai thác 6 dịch vụ cơ bản: việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước và vệ sinh, thông tin.	Vẽ sơ đồ 6 dịch vụ; nêu một ví dụ địa phương về thiếu hụt và giải pháp hỗ trợ.
Tiết 2 - Liên hệ người có công	Infographic kết quả Chiến dịch 500 ngày đêm	Chiều infographic; yêu cầu HS phân biệt nội dung tri ân, trách nhiệm xã hội và phạm vi chính sách.	Chọn 2 thông tin từ infographic, nêu ý nghĩa và ghi rõ thời điểm số liệu.
Tiết 2 - Tích hợp tác hại thuốc lá	Bộ Y tế cảnh báo ngộ độc thuốc lá điện tử ở học sinh	Dùng chuỗi nguyên nhân-hệ quả: thuốc lá -> bệnh tật -> chi phí y tế -> giảm thu nhập -> gánh nặng an sinh.	Hoàn thành sơ đồ nguyên nhân-hệ quả và đề xuất một hành động phòng ngừa.
Tiết 3 - Trách nhiệm công dân/BHYT	Video: Bảo hiểm y tế - lá chắn cho sức khỏe mỗi gia đình	Chiều 45-60 giây; tổ chức Thẻ Đỏ/Thẻ Xanh về hành vi đúng-sai.	Nêu 2 quyền, 2 trách nhiệm của người tham gia và một hành vi không nên làm.
Tiết 3 - Bảo vệ dữ liệu số	BHXH Việt Nam: tăng cường bảo vệ dữ liệu và hệ thống số	Đưa tình huống đăng cộng khai giấy tờ/mã số; tổ chức đóng vai tổ tư vấn.	Viết quy tắc 4 bước chia sẻ thông tin an sinh an toàn, không lộ dữ liệu cá nhân.